

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ,
CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

(Dữ liệu cập nhật đến ngày 31/5/2024)

I. THEO TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC

1. Cơ sở giáo dục đại học

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường Đại học Giao thông Vận tải	1.	Khai thác vận tải	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		2.	Kinh tế vận tải	VNU-CEA	01/2017	Đạt 88%	23/3/2017	23/3/2022
		3.	Kinh tế xây dựng	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		4.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		5.	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình tiên tiến chuyên sâu Xây dựng công trình giao thông)	VNU-CEA	01/2017	Đạt 88%	23/3/2017	23/3/2022
		6.	Công nghệ kỹ thuật giao thông	VNU-CEA	10/2023	Đạt 88%	26/12/2023	26/12/2028
		7.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	10/2023	Đạt 90%	26/12/2023	26/12/2028
		8.	Kỹ thuật điện	VNU-CEA	10/2023	Đạt 90%	26/12/2023	26/12/2028
		9.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	VNU-CEA	10/2023	Đạt 90%	26/12/2023	26/12/2028
		10.	Kỹ thuật nhiệt	VNU-CEA	10/2023	Đạt 90%	26/12/2023	26/12/2028
		11.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	10/2023	Đạt 90%	26/12/2023	26/12/2028
		12.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	10/2023	Đạt 90%	26/12/2023	26/12/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
2.	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG Hà Nội	13.	Tâm lý học	VNU-HCM CEA	3/2017	Đạt 90%	30/9/2017	30/9/2022
		14.	Việt Nam học	VNU-HCM CEA	3/2017	Đạt 82%	30/9/2017	30/9/2022
		15.	Quốc tế học	VNU-HCM CEA	4/2019	Đạt 88%	15/10/2019	15/10/2024
		16.	Lưu trữ học	VNU-HCM CEA	01/2020	Đạt 90%	27/4/2020	27/4/2025
		17.	Báo chí	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 92%	28/4/2023	28/4/2028
		18.	Quan hệ công chúng	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 92%	28/4/2023	28/4/2028
		19.	Khoa học quản lý	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		20.	Tôn giáo học	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
		21.	Việt Nam học	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
		22.	Quản trị khách sạn	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		23.	Quản trị văn phòng	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
		24.	Đông phương học	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 96%	06/7/2023	06/7/2028
		25.	Ngôn ngữ học	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 96%	06/7/2023	06/7/2028
		26.	Triết học	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 96%	06/7/2023	06/7/2028
		27.	Văn học	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 96%	06/7/2023	06/7/2028
		28.	Quản lý thông tin	VNU-HCM CEA	01/2024	Đạt 96%	08/5/2024	07/5/2029
		29.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-HCM CEA	01/2024	Đạt 96%	08/5/2024	07/5/2029
		30.	Thông tin thư viện	VNU-HCM CEA	01/2024	Đạt 96%	08/5/2024	07/5/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
3	Trường Đại học Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội	31.	Tài chính - Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	12/2017	Đạt 96%	02/7/2018	02/7/2023
		32.	Kế toán	VNU-HCM CEA	01/2018	Đạt 86%	02/7/2018	02/7/2023
		33.	Kinh tế	VNU-HCM CEA	12/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
		34.	Kinh tế phát triển	CEA-UD	10/2020	Đạt 90 %	07/02/2021	07/02/2026
		35.	Kinh tế quốc tế	VU-CEA	4/2022	Đạt 90%	29/7/2022	29/7/2027
		36.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	4/2022	Đạt 90%	29/7/2022	29/7/2027
		37.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 100%	07/3/2024	07/3/2029
		38.	Kế toán	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 100%	07/3/2024	07/3/2029
4	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	39.	Sư phạm Hóa học (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-CEA	5/2018	Đạt 84%	04/4/2019	04/4/2024
		40.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	5/2018	Đạt 80%	04/4/2019	04/4/2024
		41.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	6/2021	Đạt 88%	10/9/2021	10/9/2026
		42.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	6/2021	Đạt 88%	10/9/2021	10/9/2026
		43.	Sư phạm Tiếng Anh	VNU-CEA	6/2021	Đạt 82%	10/9/2021	10/9/2026
		44.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026
		45.	Giáo dục Đặc biệt	VNU-CEA	6/2021	Đạt 90%	10/9/2021	10/9/2026
		46.	Công tác xã hội	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026
		47.	Việt Nam học	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		48.	Tâm lý học giáo dục	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		49.	Sư phạm Vật lý	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		50.	Sư phạm Toán học	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		51.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		52.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		53.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		54.	Giáo dục thể chất	VNU-CEA	12/2022	Đạt 88%	16/3/2023	16/3/2028
		55.	Giáo dục công dân	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
5	Trường Đại học Vinh	56.	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	12/2018	Đạt 92%	04/4/2019	04/4/2024
		57.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	12/2018	Đạt 90%	04/4/2019	04/4/2024
		58.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2018	Đạt 92%	04/4/2019	04/4/2024
		59.	Sư phạm Hóa học	CEA-UD	10/2020	Đạt 94 %	04/02/2021	04/02/2026
		60.	Giáo dục Tiểu học	CEA-UD	10/2020	Đạt 96 %	04/02/2021	04/02/2026
		61.	Luật Kinh tế	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 88%	21/6/2021	21/6/2026
		62.	Giáo dục Mầm non	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 90%	21/6/2021	21/6/2026
		63.	Kế toán	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 90%	21/6/2021	21/6/2026
		64.	Sư phạm Ngữ văn	CEA-UD	12/2021	Đạt 98%	22/8/2022	22/8/2027
		65.	Sư phạm Địa lý	CEA-UD	12/2021	Đạt 96%	22/8/2022	22/8/2027
		66.	Công nghệ Thực phẩm	CEA-UD	12/2021	Đạt 94%	22/8/2022	22/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		67.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	CEA-UD	12/2021	Đạt 94%	22/8/2022	22/8/2027
		68.	Sư phạm Tiếng Anh	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		69.	Sư phạm Lịch sử	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		70.	Giáo dục thể chất	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		71.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		72.	Kĩ sư Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông	VNU-CEA	4/2023	Đạt 96%	07/9/2023	07/9/2028
		73.	Quản lý giáo dục	VNU-CEA	4/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		74.	Kĩ sư Nuôi trồng thủy sản	VNU-CEA	4/2023	Đạt 96%	07/9/2023	07/9/2028
		75.	Luật	VNU-CEA	4/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
		76.	Kĩ sư Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	VNU-CEA	4/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
		77.	Kinh tế Xây dựng	VNU-CEA	4/2023	Đạt 96%	07/9/2023	07/9/2028
		78.	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	VNU-CEA	4/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
6	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	79.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	01/2019	Đạt 96%	01/4/2019	01/4/2024
		80.	Hộ sinh	CEA-AVU&C	6/2022	Đạt 90%	18/10/2022	18/10/2027
		81.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	8/2023	Đạt 96%	02/01/2024	02/01/2024
7	Trường Đại học Sài Gòn	82.	Giáo dục tiểu học	VNU-HCM CEA	12/2018	Đạt 86%	12/8/2019	12/8/2024
		83.	Sư phạm tiếng Anh	VNU-HCM CEA	03/2019	Đạt 80%	12/8/2019	12/8/2024
		84.	Sư phạm Lịch sử	VNU-HCM CEA	03/2019	Đạt 86%	12/8/2019	12/8/2024
		85.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	06/2020	Đạt 84%	14/12/2020	14/12/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
86.		Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)		VNU-HCM CEA	06/2020	Đạt 88%	14/12/2020	14/12/2025
87.		Tài Chính - Ngân hàng		VU-CEA	11/2020	Đạt 82%	26/02/2021	26/02/2026
88.		Tài Chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)		VU-CEA	11/2020	Đạt 80%	26/02/2021	26/02/2026
89.		Luật		VU-CEA	11/2020	Đạt 82%	26/02/2021	26/02/2026
90.		Toán - ứng dụng		VU-CEA	01/2022	Đạt 84%	28/4/2022	28/4/2027
91.		Công nghệ thông tin		VU-CEA	01/2022	Đạt 82%	28/4/2022	28/4/2027
92.		Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)		VU-CEA	01/2022	Đạt 84%	28/4/2022	28/4/2027
93.		Quản lý Giáo dục		VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 88%	03/8/2023	02/8/2023
94.		Sư phạm Ngữ văn		VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 92%	03/8/2023	02/8/2023
95.		Sư phạm Địa lý		VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 92%	03/8/2023	02/8/2023
96.		Sư phạm Vật lý		VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 90%	03/8/2023	02/8/2023
97.		Kế toán		VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 90%	03/8/2023	02/8/2023
98.		Giáo dục Mầm non		VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 94%	03/8/2023	02/8/2023
99.		Sư phạm Sinh học		VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 92%	03/8/2023	02/8/2023
100.		Toán Giải tích (trình độ thạc sĩ)		VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 88%	03/8/2023	02/8/2023
101.		Quản lý Giáo dục (trình độ thạc sĩ)		VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 86%	03/8/2023	02/8/2023
102.		Lịch sử Việt Nam (trình độ thạc sĩ)		VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 88%	03/8/2023	02/8/2023
103.		Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (trình độ thạc sĩ)		VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 88%	03/8/2023	02/8/2023

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
104.		Hóa hữu cơ (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 86%	03/8/2023	02/8/2023
105.		Ngôn ngữ học (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
106.		Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
107.		Việt Nam học	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
108.		Quốc tế học	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
109.		Ngôn ngữ Anh	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
110.		Giáo dục Chính trị	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
111.		Sư phạm Mỹ thuật	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 90%	10/5/2024	09/5/2029
112.		Sư phạm Âm nhạc	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 88%	10/5/2024	09/5/2029
113.		Tâm lý học	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 94%	10/5/2024	09/5/2029
114.		Thông tin - Thư viện	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 86%	10/5/2024	09/5/2029
115.		Quản trị văn phòng	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 86%	10/5/2024	09/5/2029
116.		Công nghệ kỹ thuật môi trường	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
117.		Kinh doanh quốc tế	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
118.		Kỹ thuật phần mềm	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 90%	10/5/2024	09/5/2029
119.		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
120.		Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
121.		Kỹ thuật điện	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		122.	Kỹ thuật điện	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
8	Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh	123.	Công nghệ sinh học	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 82%	15/10/2019	15/10/2024
		124.	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 90%	15/10/2019	15/10/2024
		125.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	VNU-HCM CEA	3/2019 10/2019	Đạt 80%	27/4/2020	27/4/2025
		126.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 80%	27/4/2020	27/4/2025
		127.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 84%	27/4/2020	27/4/2025
		128.	Kế toán	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 90%	27/4/2020	27/4/2025
		129.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 86%	27/4/2020	27/4/2025
		130.	Công nghệ chế biến thủy sản	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
		131.	Tài chính - ngân hàng	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 96%	04/4/2022	04/4/2027
		132.	Công nghệ chế tạo máy	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
		133.	Kỹ thuật môi trường (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	12/2021	Đạt 88%	24/4/2022	24/4/2027
		134.	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	12/2021	Đạt 88%	24/4/2022	24/4/2027
		135.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	12/2021	Đạt 84%	24/4/2022	24/4/2027
		136.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 90%	06/10/2022	06/10/2027
		137.	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 94%	06/10/2022	06/10/2027
		138.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 94%	06/10/2022	06/10/2027
		139.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 92%	06/10/2022	06/10/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		140.	Công nghệ dệt, may	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 92%	06/10/2022	06/10/2027
		141.	Quản lý tài nguyên và môi trường	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 92%	06/10/2022	06/10/2027
		142.	Công nghệ sinh học (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	4/2023	Đạt 88%	30/6/2023	30/6/2028
		143.	Tài chính - ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	4/2023	Đạt 90%	30/6/2023	30/6/2028
		144.	Kỹ thuật cơ khí (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	4/2023	Đạt 92%	30/6/2023	30/6/2028
		145.	Kỹ thuật hóa học (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	4/2023	Đạt 88%	30/6/2023	30/6/2028
		146.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CEA-SAIGON	5/2023	Đạt 90%	28/9/2023	28/9/2028
		147.	Khoa học chế biến món ăn	CEA-SAIGON	5/2023	Đạt 90%	28/9/2023	28/9/2028
		148.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	CEA-SAIGON	5/2023	Đạt 92%	28/9/2023	28/9/2028
		149.	An toàn thông tin	CEA-SAIGON	5/2023	Đạt 90%	28/9/2023	28/9/2028
9	Trường Quốc tế-ĐHQG Hà Nội	150.	Kinh doanh quốc tế	VNU-HCM CEA	5/2019	Đạt 94%	07/10/2019	07/10/2024
		151.	Hệ thống thông tin quản lý	VU-CEA	01/2024	Đạt 92%	09/5/2024	09/5/2029
		152.	Tin học và Kỹ thuật máy tính	VU-CEA	01/2024	Đạt 92%	09/5/2024	09/5/2029
10	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	153.	Quản trị khách sạn	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 96%	07/10/2019	07/10/2024
		154.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 88%	07/10/2019	07/10/2024
		155.	Dược học	VNU-HCM CEA	12/2019	Đạt 92%	18/5/2020	18/5/2025
		156.	Kiến trúc	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 88%	14/4/2022	14/4/2027
		157.	Công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	14/4/2022	14/4/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
		158. Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VU-CEA	12/2021	Đạt 94%	05/5/2022	05/5/2027
		159. Kỹ thuật Xây dựng	VU-CEA	12/2021	Đạt 88%	05/5/2022	05/5/2027
		160. Luật Kinh tế	VU-CEA	12/2021	Đạt 92%	05/5/2022	05/5/2027
		161. Ngôn ngữ Trung Quốc	VU-CEA	12/2021	Đạt 90%	05/5/2022	05/5/2027
		162. Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 96%	27/01/2023	27/01/2028
		163. Việt Nam học	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 98%	27/01/2023	27/01/2028
		164. Điều dưỡng	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 92%	27/01/2023	27/01/2028
		165. Quản trị nhân lực	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	16/02/2023	16/02/2028
		166. Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 92%	16/02/2023	16/02/2028
		167. Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 86%	16/02/2023	16/02/2028
		168. Du lịch (trình độ thạc sĩ)	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	16/02/2023	16/02/2028
		169. Đông phương học	VNU-CEA	9/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
		170. Quản lý tài nguyên và môi trường	VNU-CEA	9/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		171. Thiết kế nội thất	VNU-CEA	9/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
		172. Thanh nhạc	VNU-CEA	9/2023	Đạt 86%	16/11/2023	16/11/2028
		173. Y học dự phòng	VNU-CEA	9/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		174. Kế toán	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	14/10/2019	14/10/2024
		175. Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	7/2019	Đạt 90%	14/10/2019	14/10/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
11	Trường Đại học Mở - Địa chất	176.	Kỹ thuật địa chất	VNU-CEA	7/2019	Đạt 90%	14/10/2019	14/10/2024
		177.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	14/10/2019	14/10/2024
		178.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	9/2020	Đạt 90%	15/12/2020	15/12/2025
		179.	Kỹ thuật Dầu khí	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		180.	Kỹ thuật Mỏ	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		181.	Kỹ thuật Môi trường	VU-CEA	9/2020	Đạt 88%	15/12/2020	15/12/2025
		182.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		183.	Kỹ thuật Tuyển khoáng	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		184.	Kỹ thuật Xây dựng	VU-CEA	9/2020	Đạt 88%	15/12/2020	15/12/2025
		185.	Kỹ thuật điện	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	17/3/2023	17/3/2028
		186.	Kỹ thuật cơ khí	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	17/3/2023	17/3/2028
		187.	Quản lý đất đai	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	17/3/2023	17/3/2028
12	Trường Đại học Nam Cần Thơ	188.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		189.	Dược học	VNU-CEA	7/2019	Đạt 84%	12/10/2019	12/10/2024
		190.	Luật Kinh tế	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		191.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	7/2019	Đạt 82%	12/10/2019	12/10/2024
		192.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-CEA	12/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		193.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	26/3/2022	26/3/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		194.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	12/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		195.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	26/3/2022	26/3/2027
		196.	Công nghệ thực phẩm	VNU-CEA	10/2022	Đạt 92%	05/01/2023	05/01/2028
		197.	Luật	VNU-CEA	10/2022	Đạt 88%	05/01/2023	05/01/2028
		198.	Kỹ thuật hình ảnh y học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 84%	05/01/2023	05/01/2028
		199.	Xét nghiệm y học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 84%	05/01/2023	05/01/2028
13	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế	200.	Điều dưỡng	VNU-CEA	4/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		201.	Y tế công cộng	VNU-CEA	4/2019	Đạt 90%	12/10/2019	12/10/2024
		202.	Dược học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 90%	12/10/2019	12/10/2024
14	Trường Đại học Đồng Tháp	203.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	12/10/2019	12/10/2024
		204.	Sư phạm Toán học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	12/10/2019	12/10/2024
		205.	Giáo dục tiểu học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	12/10/2019	12/10/2024
		206.	Sư phạm Tiếng Anh	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		207.	Giáo dục Chính trị	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		208.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		209.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	01/2022	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		210.	Giáo dục thể chất	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		211.	Khoa học môi trường	VNU-CEA	01/2022	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		212.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		213.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	9/2022	Đạt 88%	16/12/2022	16/12/2027
		214.	Khoa học máy tính	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	16/12/2022	16/12/2027
		215.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	16/12/2022	16/12/2027
		216.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	9/2022	Đạt 84%	16/12/2022	16/12/2027
		217.	Sư phạm Vật lý	VNU-CEA	9/2022	Đạt 88%	16/12/2022	16/12/2027
		218.	Việt Nam học	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	16/12/2022	16/12/2027
		219.	Giáo dục Mầm non (CTĐT CĐ)	VNU-CEA	6/2023	Đạt 84%	07/9/2023	07/9/2028
		220.	Kế toán	VNU-CEA	6/2023	Đạt 86%	07/9/2023	07/9/2028
		221.	Nông học	VNU-CEA	6/2023	Đạt 88%	07/9/2023	07/9/2028
		222.	Sư phạm Âm nhạc	VNU-CEA	6/2023	Đạt 84%	07/9/2023	07/9/2028
		223.	Sư phạm Mỹ thuật	VNU-CEA	6/2023	Đạt 86%	07/9/2023	07/9/2028
		224.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	6/2023	Đạt 88%	07/9/2023	07/9/2028
		225.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	6/2023	Đạt 86%	07/9/2023	07/9/2028
15	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	226.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	4/2019	Đạt 94%	14/10/2019	14/10/2024
		227.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	4/2019	Đạt 94%	14/10/2019	14/10/2024
		228.	Giáo dục mầm non	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		229.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		230.	Sư phạm Toán	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		231.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		232.	Sư phạm Vật lý	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		233.	Giáo dục chính trị	VNU-CEA	10/2022	Đạt 94%	10/01/2023	10/01/2028
		234.	Giáo dục Thể chất	VNU-CEA	10/2022	Đạt 94%	10/01/2023	10/01/2028
		235.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 94%	10/01/2023	10/01/2028
		236.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	10/2022	Đạt 92%	10/01/2023	10/01/2028
		237.	Sư phạm tiếng Anh	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028
		238.	Sư phạm Tâm lý	VNU-CEA	10/2022	Đạt 88%	10/01/2023	10/01/2028
		239.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 92%	10/01/2023	10/01/2028
		240.	Hóa vô cơ (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028
		241.	Di truyền học (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028
		242.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028
		243.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028
16	Trường Đại học Thủy lợi	244.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	VNU-CEA	5/2019	Đạt 88%	12/10/2019	12/10/2024
		245.	Quản lý xây dựng	VNU-CEA	5/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		246.	Kế toán	VNU-CEA	5/2019	Đạt 88%	12/10/2019	12/10/2024
		247.	Kinh tế	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		248.	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		249.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		250.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		251.	Kỹ thuật Môi trường	VNU-CEA	5/2021	Đạt 90%	09/9/2021	09/9/2026
		252.	Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông	VNU-CEA	5/2021	Đạt 88%	09/9/2021	09/9/2026
		253.	Kỹ thuật Tài nguyên nước	VNU-CEA	5/2021	Đạt 88%	09/9/2021	09/9/2026
		254.	Kỹ thuật Cơ khí	VNU-CEA	5/2021	Đạt 90%	09/9/2021	09/9/2026
		255.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	5/2021	Đạt 86%	09/9/2021	09/9/2026
17	Trường Đại học Hồng Đức	256.	Sư phạm Tiếng Anh	VNU-CEA	5/2019	Đạt 84%	14/10/2019	14/10/2024
		257.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	5/2019	Đạt 84%	14/10/2019	14/10/2024
		258.	Sư phạm Toán	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
		259.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
		260.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
		261.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
		262.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		263.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	11/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		264.	Luật	VNU-CEA	11/2021	Đạt 84%	30/3/2022	30/3/2027
		265.	Kế toán	VNU-CEA	11/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		266.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	4/2022	Đạt 92%	24/8/2022	24/8/2027
		267.	Giáo dục thể chất	VNU-CEA	4/2022	Đạt 86%	24/8/2022	24/8/2027
		268.	Chăn nuôi	VNU-CEA	4/2022	Đạt 90%	24/8/2022	24/8/2027
		269.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	4/2022	Đạt 88%	24/8/2022	24/8/2027
		270.	Khoa học máy tính	VNU-CEA	4/2023	Đạt 88%	21/6/2023	21/6/2028
		271.	Quản lý giáo dục	VNU-CEA	4/2023	Đạt 86%	21/6/2023	21/6/2028
		272.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	4/2023	Đạt 90%	21/6/2023	21/6/2028
		273.	Sư phạm Vật lý	VNU-CEA	4/2023	Đạt 90%	21/6/2023	21/6/2028
		274.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	4/2023	Đạt 90%	21/6/2023	21/6/2028
		275.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	4/2023	Đạt 90%	21/6/2023	21/6/2028
		276.	Du lịch	VNU-CEA	4/2023	Đạt 90%	21/6/2023	21/6/2028
18	Trường Đại học Y Dược-Đại học Quốc gia Hà Nội	277.	Dược học	VNU-HCM CEA	7/2019	Đạt 86%	14/12/2019	14/12/2024
		278.	Y Khoa	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 82%	08/10/2020	08/10/2025
19	Trường Đại học Giáo dục-ĐH Quốc gia Hà Nội	279.	Lý luận và Phương pháp dạy học môn Toán (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	10/2017	Đạt 94%	19/4/2018	19/4/2023
		280.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 94%	14/12/2019	14/12/2024
		281.	Sư phạm Toán học	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 94%	14/12/2019	14/12/2024
		282.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 96%	14/12/2019	14/12/2024
		283.	Sư phạm Hoá học	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		284.	Sư phạm Lịch sử	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		285.	Sư phạm Sinh học	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		286.	Sư phạm Vật lý	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		287.	Quản lý giáo dục (Trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 96%	03/5/2024	02/5/2029
		288.	Đo lường và đánh giá trong giáo dục (Trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 94%	03/5/2024	02/5/2029
		289.	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên (Trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 96%	03/5/2024	02/5/2029
20	Trường Đại học Tài chính - Marketing	290.	Tài chính – Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	7/2019	Đạt 90%	16/12/2019	16/12/2024
		291.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 90%	16/12/2019	16/12/2024
		292.	Quản trị Marketing (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		293.	Quản trị kinh doanh tổng hợp (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		294.	Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	7/2019	Đạt 98%	16/12/2019	16/12/2024
		295.	Ngôn ngữ Anh	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		296.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
		297.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 88%	04/4/2022	04/4/2027
		298.	Quản trị khách sạn	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
		299.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 92%	20/5/2022	20/5/2027
		300.	Marketing	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 94%	20/5/2022	20/5/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		301.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 96%	20/5/2022	20/5/2027
		302.	Kinh doanh Quốc tế	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 94%	20/5/2022	20/5/2027
		303.	Bất động sản	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 88%	20/5/2022	20/5/2027
		304.	Hệ thống thông tin quản lý	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 86%	20/5/2022	20/5/2027
		305.	Kế toán	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 96%	20/5/2022	20/5/2027
		306.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 88%	22/9/2023	22/9/2028
		307.	Kinh doanh quốc tế (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 88%	22/9/2023	22/9/2028
		308.	Tài chính - Ngân hàng (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 88%	22/9/2023	22/9/2028
		309.	Kinh doanh quốc tế (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 88%	22/9/2023	22/9/2028
		310.	Marketing (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 88%	22/9/2023	22/9/2028
		311.	Quản trị kinh doanh (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 88%	22/9/2023	22/9/2028
21	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	312.	Kế toán trình độ đại học	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		313.	Công nghệ Thông tin trình độ đại học	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		314.	Kỹ thuật điện	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 82%	24/4/2020	24/4/2025
		315.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 82%	24/4/2020	24/4/2025
		316.	Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	10/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		317.	Kỹ thuật cơ khí	VU-CEA	10/2020	Đạt 94%	28/5/2021	28/5/2026
		318.	Luật kinh tế	VU-CEA	10/2020	Đạt 90%	28/5/2021	28/5/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
		319. Kỹ thuật xây dựng	VU-CEA	10/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		320. Thiết kế thời trang	VU-CEA	10/2020	Đạt 90%	28/5/2021	28/5/2026
		321. Công nghệ kỹ thuật ô tô	VU-CEA	12/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		322. Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	VNU-HCM CEA	3/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		323. Công nghệ sinh học	VNU-HCM CEA	3/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		324. Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	3/2021	Đạt 96%	04/4/2022	04/4/2027
		325. Tâm lý học	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		326. Marketing	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
		327. Kiến trúc	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
		328. Kế toán (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 86%	27/02/2023	27/02/2028
		329. Công nghệ Thông tin (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 86%	27/02/2023	27/02/2028
		330. Kỹ thuật điện (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 86%	27/02/2023	27/02/2028
		331. Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 86%	27/02/2023	27/02/2028
		332. Quản trị khách sạn	VNU-HCM CEA	8/2023	Đạt 98%	18/11/2023	18/11/2028
		333. Thiết kế đồ họa	VNU-HCM CEA	8/2023	Đạt 92%	18/11/2023	18/11/2028
		334. Thú y	VNU-HCM CEA	8/2023	Đạt 100%	18/11/2023	18/11/2028
		335. An toàn thông tin	VNU-HCM CEA	8/2023	Đạt 100%	18/11/2023	18/11/2028
22		336. Kế toán	CEA-AVU&C	10/2019	Đạt 96%	06/3/2020	06/3/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	337.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	10/2019	Đạt 96%	06/3/2020	06/3/2025
		338.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CEA-AVU&C	10/2019	Đạt 92%	06/3/2020	06/3/2025
		339.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	11/2019	Đạt 96%	24/4/2020	24/4/2025
		340.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	CEA-AVU&C	11/2019	Đạt 92%	24/4/2020	24/4/2025
		341.	Công nghệ Thực phẩm	CEA-AVU&C	11/2019	Đạt 96%	24/4/2020	24/4/2025
		342.	Công nghệ Thông tin	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 94%	08/10/2020	08/10/2025
		343.	Công nghệ Dệt, may	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 94%	08/10/2020	08/10/2025
		344.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 94%	08/10/2020	08/10/2025
		345.	Kinh doanh thương mại	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 92%	26/5/2022	26/5/2027
		346.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 90%	26/5/2022	26/5/2027
		347.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	9/2023	Đạt 88%	02/01/2024	02/01/2029
		348.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	CEA-AVU&C	9/2023	Đạt 90%	02/01/2024	02/01/2029
		349.	Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử	CEA-AVU&C	9/2023	Đạt 90%	02/01/2024	02/01/2029
		350.	Công nghệ Sợi, dệt	CEA-AVU&C	9/2023	Đạt 92%	02/01/2024	02/01/2029
		351.	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	9/2023	Đạt 92%	02/01/2024	02/01/2029
23	Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên	352.	Y học Dự phòng (Trình độ Thạc sĩ)	CEA-AVU&C	7/2019	Đạt 88%	24/4/2020	24/4/2025
		353.	Bác sỹ Răng Hàm Mặt	CEA-AVU&C	7/2019	Đạt 86%	24/4/2020	24/4/2025
24	Trường Đại học	354.	Công nghệ chế biến thủy sản	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Nha Trang	355.	Kỹ thuật tàu thủy	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
		356.	Công nghệ sinh học	VNU-HCM CEA	01/2022	Đạt 94%	16/5/2022	16/5/2027
		357.	Nuôi trồng thủy sản	VNU-HCM CEA	01/2022	Đạt 94%	16/5/2022	16/5/2027
		358.	Công nghệ thông tin	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		359.	Kế toán	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		360.	Quản trị khách sạn	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		361.	Quản trị kinh doanh	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 92%	28/4/2023	28/4/2028
25	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh	362.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	12/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
		363.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	11/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		364.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	11/2020	Đạt 92%	26/02/2021	26/02/2026
		365.	Luật kinh tế	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	26/5/2021	26/5/2026
		366.	Kế toán	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	26/5/2021	26/5/2026
		367.	Marketing	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		368.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
		369.	Kinh doanh quốc tế	VU-CEA	01/2022	Đạt 92%	24/4/2022	24/4/2027
		370.	Quan hệ công chúng	VU-CEA	01/2022	Đạt 94%	24/4/2022	24/4/2027
		371.	Quản trị khách sạn	VU-CEA	01/2022	Đạt 90%	24/4/2022	24/4/2027
		372.	Quản trị nhân lực	VU-CEA	01/2022	Đạt 90%	24/4/2022	24/4/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		373.	Luật quốc tế	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 94%	03/01/2023	03/01/2028
		374.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 94%	03/01/2023	03/01/2028
		375.	Thương mại điện tử	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 94%	03/01/2023	03/01/2028
		376.	Quan hệ Quốc tế	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 96%	17/4/2023	17/4/2028
		377.	Ngôn ngữ Nhật	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 94%	17/4/2023	17/4/2028
		378.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 92%	17/4/2023	17/4/2028
26	Trường Đại học Lâm nghiệp	379.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	10/2019	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		380.	Quản lý tài nguyên rừng	VNU-CEA	10/2019	Đạt 94%	25/3/2020	25/3/2025
		381.	Quản lý đất đai	VNU-CEA	10/2019	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		382.	Công nghệ sinh học	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	30/8/2021	30/8/2026
		383.	Công nghệ chế biến lâm sản	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	30/8/2021	30/8/2026
		384.	Kỹ thuật xây dựng	VU-CEA	3/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		385.	Lâm sinh	VU-CEA	3/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		386.	Kế toán	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		387.	Thiết kế nội thất	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		388.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
		389.	Quản lý tài nguyên rừng (trình độ thạc sĩ)	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
27	Trường Đại học	390.	Kế toán	VNU-CEA	01/2020	Đạt 90%	25/3/2020	25/3/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Thương mại	391.	Marketing	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		392.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		393.	Kế toán (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-CEA	01/2020	Đạt 90%	25/3/2020	25/3/2025
		394.	Tài chính - Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-CEA	01/2020	Đạt 90%	25/3/2020	25/3/2025
		395.	Kinh tế	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		396.	Luật kinh tế	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		397.	Thương mại điện tử	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		398.	Hệ thống thông tin quản lý	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		399.	Quản trị nhân lực	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		400.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	6/2022	Đạt 96%	25/8/2022	25/8/2027
		401.	Quản trị khách sạn	VNU-CEA	6/2022	Đạt 94%	25/8/2022	25/8/2027
		402.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	6/2022	Đạt 94%	25/8/2022	25/8/2027
		403.	Kinh doanh quốc tế	VNU-CEA	6/2022	Đạt 94%	25/8/2022	25/8/2027
		404.	Kinh tế quốc tế	VNU-CEA	6/2022	Đạt 96%	25/8/2022	25/8/2027
		405.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	6/2022	Đạt 92%	25/8/2022	25/8/2027
		406.	Kiểm toán	VNU-CEA	01/2024	Đạt 98%	08/4/2024	08/4/2029
		407.	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	VNU-CEA	01/2024	Đạt 94%	08/4/2024	08/4/2029
28		408.	Kinh doanh quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Trường Đại học Ngoại thương	409.	Kinh tế và phát triển quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		410.	Phân tích và Đầu tư tài chính	VNU-CEA	01/2020	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		411.	Luật Thương mại quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		412.	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
		413.	Ngôn ngữ Pháp (Tiếng Pháp thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
		414.	Ngôn ngữ Nhật (Tiếng Nhật thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 82%	14/9/2021	14/9/2026
		415.	Ngôn ngữ Trung (Tiếng Trung thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
		416.	Kinh tế đối ngoại	VNU-CEA	02/2023	Đạt 94%	22/6/2023	22/6/2028
		417.	Ngân hàng	VNU-CEA	02/2023	Đạt 94%	22/6/2023	22/6/2028
		418.	Tài chính quốc tế	VNU-CEA	02/2023	Đạt 94%	22/6/2023	22/6/2028
		419.	Thương mại quốc tế	VNU-CEA	02/2023	Đạt 94%	22/6/2023	22/6/2028
		29	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	420.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	VNU-CEA	9/2019	Đạt 86%
421.	Công nghệ thực phẩm			VNU-CEA	9/2019	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
422.	Công nghệ thông tin			VU-CEA	10/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
423.	Kế toán			VU-CEA	10/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
424.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành			VU-CEA	10/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
425.	Công nghệ Chế tạo máy			CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 86%	11/6/2021	11/6/2026
426.	Ngôn ngữ Anh			CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 86%	11/6/2021	11/6/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		427.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 86%	14/12/2021	14/12/2026
		428.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	8/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		429.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	8/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		430.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VU-CEA	8/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
30	Trường Đại học Thủ Dầu Một	431.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	10/2019	Đạt 90%	30/3/2020	30/3/2025
		432.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	10/2019	Đạt 90%	30/3/2020	30/3/2025
		433.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	10/2019	Đạt 88%	30/3/2020	30/3/2025
		434.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	10/2019	Đạt 86%	30/3/2020	30/3/2025
		435.	Giáo dục học	VU-CEA	11/2020	Đạt 90%	26/02/2021	26/02/2026
		436.	Luật	VU-CEA	11/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
		437.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	11/2020	Đạt 90%	26/02/2021	26/02/2026
		438.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	VU-CEA	11/2020	Đạt 92%	26/02/2021	26/02/2026
		439.	Công tác xã hội	VU-CEA	01/2021	Đạt 90%	28/5/2021	28/5/2026
		440.	Kiến trúc	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	28/5/2021	28/5/2026
		441.	Kỹ thuật xây dựng	VU-CEA	01/2021	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		442.	Quản lý nhà nước	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	01/8/2022	01/8/2027
		443.	Quản lý công nghiệp	VU-CEA	3/2022	Đạt 88%	01/8/2022	01/8/2027
		444.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VU-CEA	3/2022	Đạt 84%	01/8/2022	01/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		445.	Quản lý đất đai	VU-CEA	3/2022	Đạt 88%	01/8/2022	01/8/2027
		446.	Ngôn ngữ Anh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 88%	01/8/2022	01/8/2027
		447.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	01/8/2022	01/8/2027
		448.	Công tác xã hội (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	01/8/2022	01/8/2027
		449.	Quản lý giáo dục (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 84%	01/8/2022	01/8/2027
		450.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 88%	01/8/2022	01/8/2027
31	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	451.	Kế toán	VNU-CEA	10/2019	Đạt 80%	27/3/2020	27/3/2025
		452.	Quản lý đất đai	VNU-CEA	10/2019	Đạt 82%	27/3/2020	27/3/2025
		453.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	VNU-CEA	10/2019	Đạt 84%	27/3/2020	27/3/2025
		454.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	VNU-CEA	01/2021	Đạt 90%	05/4/2021	05/4/2026
		455.	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
		456.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
		457.	Công nghệ Thông tin	VNU-CEA	12/2021	Đạt 84%	30/3/2022	30/3/2027
		458.	Thủy văn học	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		459.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	12/2021	Đạt 82%	30/3/2022	30/3/2027
		460.	Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững	VNU-CEA	12/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		461.	Khí tượng và khí hậu học	VNU-CEA	12/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		462.	Kỹ thuật địa chất	VNU-CEA	12/2023	Đạt 86%	08/4/2024	08/4/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		463.	Quản lý biển	VNU-CEA	12/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		464.	Quản lý tài nguyên nước	VNU-CEA	12/2023	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		465.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		466.	Khoa học môi trường (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
32	Trường Đại học Hà Nội	467.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	9/2019	Đạt 84%	23/3/2020	23/3/2025
		468.	Ngôn ngữ Nhật	VNU-CEA	9/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		469.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VNU-CEA	9/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		470.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	12/2020	Đạt 90%	26/02/2021	26/02/2026
		471.	Ngôn ngữ Đức	VU-CEA	12/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		472.	Ngôn ngữ Pháp	VU-CEA	12/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		473.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 84%	17/6/2021	17/6/2026
		474.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 84%	17/6/2021	17/6/2026
		475.	Kế toán	VU-CEA	12/2021	Đạt 86%	04/5/2022	04/5/2027
		476.	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	VU-CEA	12/2021	Đạt 86%	04/5/2022	04/5/2027
		477.	Ngôn ngữ Italia	VNU-CEA	01/2024	Đạt 92%	08/4/2024	08/4/2029
		478.	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	VNU-CEA	01/2024	Đạt 92%	08/4/2024	08/4/2029
		479.	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	VNU-CEA	01/2024	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
480.	Ngôn ngữ Nga	VNU-CEA	01/2024	Đạt 92%	08/4/2024	08/4/2029		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
33	Trường Đại học Tây Đô	481.	Kế toán tổng hợp	VNU-CEA	12/2019	Đạt 82%	23/3/2020	23/3/2025
		482.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2019	Đạt 82%	23/3/2020	23/3/2025
		483.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	12/2019	Đạt 84%	23/3/2020	23/3/2025
		484.	Dược học	VNU-CEA	12/2019	Đạt 84%	23/3/2020	23/3/2025
		485.	Quản trị Dịch vụ Du lịch Lữ hành	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
		486.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	01/2021	Đạt 82%	05/4/2021	05/4/2026
		487.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
		488.	Luật kinh tế	VNU-CEA	01/2021	Đạt 88%	05/4/2021	05/4/2026
		489.	Dược lý - Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	6/2022	Đạt 88%	25/8/2022	25/8/2027
		490.	Điều dưỡng	VNU-CEA	6/2022	Đạt 84%	25/8/2022	25/8/2027
		491.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	6/2022	Đạt 84%	25/8/2022	25/8/2027
		492.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	VNU-CEA	6/2022	Đạt 82%	25/8/2022	25/8/2027
34	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế	493.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	11/2019	Đạt 88%	03/4/2020	03/4/2025
		494.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	11/2019	Đạt 88%	03/4/2020	03/4/2025
		495.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	11/2019	Đạt 88%	03/4/2020	03/4/2025
		496.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		497.	Giáo dục Chính trị	VNU-CEA	12/2021	Đạt 92%	30/3/2022	30/3/2027
		498.	Giáo dục mầm non	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		499.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	9/2023	Đạt 92%	17/11/2023	17/11/2028
		500.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	9/2023	Đạt 92%	17/11/2023	17/11/2028
		501.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	9/2023	Đạt 90%	17/11/2023	17/11/2028
		502.	Sư phạm Vật lý	VNU-CEA	9/2023	Đạt 92%	17/11/2023	17/11/2028
		503.	Tâm lý Giáo dục	VNU-CEA	9/2023	Đạt 92%	17/11/2023	17/11/2028
35	Trường Đại học Hùng Vương (Phú Thọ)	504.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	01/2020	Đạt 80%	27/3/2020	27/3/2025
		505.	Kế toán	VNU-CEA	01/2020	Đạt 82%	27/3/2020	27/3/2025
		506.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	01/2020	Đạt 80%	27/3/2020	27/3/2025
		507.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2021	Đạt 82%	26/3/2022	26/3/2027
		508.	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	VNU-CEA	10/2021	Đạt 80%	26/3/2022	26/3/2027
		509.	Giáo dục mầm non	VNU-CEA	10/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		510.	Thú Y	VNU-CEA	10/2021	Đạt 84%	26/3/2022	26/3/2027
36	Trường Đại học Quy Nhơn	511.	Sư phạm Toán học	CEA-UD	01/2020	Đạt 86%	02/7/2020	02/7/2025
		512.	Sư phạm Hóa học	CEA-UD	01/2020	Đạt 82%	02/7/2020	02/7/2025
		513.	Kỹ thuật điện	CEA-UD	01/2020	Đạt 84%	02/7/2020	02/7/2025
		514.	Giáo dục Tiểu học	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		515.	Giáo dục Mầm non	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		516.	Kế toán	CEA-UD	11/2020	Đạt 94%	24/4/2021	24/4/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		517.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-UD	11/2020	Đạt 92%	24/4/2021	24/4/2026
		518.	Công nghệ thông tin	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		519.	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		520.	Quản lý Nhà nước	CEA-UD	11/2020	Đạt 94%	24/4/2021	24/4/2026
		521.	Giáo dục Thể chất	CEA-UD	11/2020	Đạt 92%	24/4/2021	24/4/2026
		522.	Công tác xã hội	CEA-UD	11/2020	Đạt 94%	24/4/2021	24/4/2026
		523.	Vật lý chất rắn (trình độ thạc sĩ)	CEA-UD	9/2022	Đạt 90%	06/02/2023	06/02/2028
		524.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	CEA-UD	9/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
37	Trường Đại học Quốc tế - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	525.	Quản lý công (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	6/2020	Đạt 80%	17/8/2020	17/8/2025
		526.	Công nghệ thực phẩm	VNU-CEA	11/2022	Đạt 94%	09/01/2023	09/01/2028
38	Học viện Chính sách và Phát triển	527.	Kinh tế	CEA-AVU&C	6/2020	Đạt 88%	08/10/2020	08/10/2025
		528.	Kinh tế Quốc tế	CEA-AVU&C	6/2020	Đạt 86%	08/10/2020	08/10/2025
		529.	Quản trị Kinh doanh	CEA-AVU&C	6/2020	Đạt 88%	08/10/2020	08/10/2025
		530.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	3/2023	Đạt 84%	22/6/2023	22/6/2028
		531.	Quản lý nhà nước	VNU-CEA	3/2023	Đạt 86%	22/6/2023	22/6/2028
39	Trường Đại học Văn Lang	532.	Kế toán	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 88%	20/11/2020	20/11/2025
		533.	Quản trị Khách sạn	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 86%	20/11/2020	20/11/2025
		534.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 90%	20/11/2020	20/11/2025
		535.	Kỹ thuật công trình xây dựng	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 90%	15/6/2021	15/6/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		536.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 88%	15/6/2021	15/6/2026
		537.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 86%	15/6/2021	15/6/2026
		538.	Kinh doanh Thương mại	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		539.	Kiến trúc	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		540.	Công nghệ Sinh học	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 90%	23/5/2022	23/5/2027
		541.	Quản trị kinh doanh trình độ đại học	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		542.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 82%	06/11/2023	06/11/2028
		543.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 84%	06/11/2023	06/11/2028
		544.	Kiến trúc (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 84%	06/11/2023	06/11/2028
		545.	Luật kinh tế	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 94%	22/02/2024	21/02/2029
		546.	Đông phương học	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 90%	22/02/2024	21/02/2029
		547.	Văn học	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 92%	22/02/2024	21/02/2029
		548.	Tâm lý học	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 92%	22/02/2024	21/02/2029
		549.	Kỹ thuật phần mềm	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 92%	22/02/2024	21/02/2029
		550.	Quan hệ Công chúng	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 94%	22/02/2024	21/02/2029
40	Trường Đại học Hòa Bình	551.	Công nghệ Thông tin	VU-CEA	8/2020	Đạt 82%	15/12/2020	15/12/2025
		552.	Tài chính - Ngân hàng	VU-CEA	8/2020	Đạt 82%	15/12/2020	15/12/2025
		553.	Thiết kế đồ họa	VU-CEA	8/2020	Đạt 84%	15/12/2020	15/12/2025
		554.	Quan hệ công chúng	VU-CEA	11/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		555.	Kế toán	VU-CEA	11/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		556.	Quản trị Kinh doanh	VU-CEA	11/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		557.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
41	Trường Đại học Phan Thiết	558.	Công nghệ Thông tin	VU-CEA	11/2020	Đạt 82%	26/02/2021	26/02/2026
		559.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	11/2020	Đạt 84%	26/02/2021	26/02/2026
		560.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	11/2020	Đạt 84%	26/02/2021	26/02/2026
		561.	Quản trị khách sạn	VU-CEA	11/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
		562.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	31/7/2022	31/7/2027
		563.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	3/2022	Đạt 84%	31/7/2022	31/7/2027
		564.	Tài chính - Ngân hàng	VU-CEA	3/2022	Đạt 84%	31/7/2022	31/7/2027
		565.	Luật kinh tế	VU-CEA	3/2022	Đạt 80%	31/7/2022	31/7/2027
42	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây	566.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-UD	11/2020	Đạt 90 %	04/02/2021	04/02/2026
43	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	567.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CEA-UD	11/2020	Đạt 88 %	04/02/2021	04/02/2026
		568.	Công nghệ thông tin	CEA-UD	11/2020	Đạt 86 %	04/02/2021	04/02/2026
44	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	569.	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	11/2020	Đạt 90 %	04/02/2021	04/02/2026
		570.	Khoa học máy tính	CEA-UD	11/2020	Đạt 90 %	04/02/2021	04/02/2026
		571.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	CEA-UD	3/2023	96%	02/10/2023	02/10/2023
45	Trường Đại học	572.	Công nghệ thông tin	CEA-UD	12/2020	Đạt 90%	08/3/2021	08/3/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Văn Hiến	573.	Quản trị khách sạn	CEA-UD	12/2020	Đạt 90%	08/3/2021	08/3/2026
		574.	Đông phương học	CEA-UD	07/2022	Đạt 86%	16/02/2023	16/02/2028
		575.	Tâm lý học	CEA-UD	07/2022	Đạt 90%	16/02/2023	16/02/2028
		576.	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	07/2022	Đạt 88%	16/02/2023	16/02/2028
		577.	Ngôn ngữ Nhật	CEA-UD	9/2023	Đạt 86%	08/4/2024	08/4/2029
		578.	Ngôn ngữ Trung Quốc	CEA-UD	9/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		579.	Văn học (trình độ thạc sĩ)	CEA-UD	9/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
46	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ	580.	Công nghệ thực phẩm	CEA-UD	12/2020	Đạt 92%	24/4/2021	24/4/2026
		581.	Hệ thống thông tin	CEA-UD	5/2023	Đạt 92%	02/10/2023	02/10/2028
		582.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CEA-UD	5/2023	Đạt 92%	02/10/2023	02/10/2028
		583.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	CEA-UD	5/2023	Đạt 92%	02/10/2023	02/10/2028
		584.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CEA-UD	5/2023	Đạt 92%	02/10/2023	02/10/2028
		585.	Quản lý công nghiệp	CEA-UD	5/2023	Đạt 94%	02/10/2023	02/10/2028
47	Trường Đại học Phenikaa	586.	Dược học	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	26/5/2021	26/5/2026
		587.	Điều dưỡng	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	26/5/2021	26/5/2026
		588.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026
		589.	Kế toán	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026
		590.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		591.	Dược lý và Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	9/2023	Đạt 82%	17/11/2023	17/11/2028
		592.	Công nghệ vật liệu	VNU-CEA	9/2023	Đạt 88%	17/11/2023	17/11/2028
		593.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	9/2023	Đạt 90%	17/11/2023	17/11/2028
		594.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	9/2023	Đạt 88%	17/11/2023	17/11/2028
48	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	595.	Công nghệ Thông tin	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026
		596.	Tâm lý học	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	26/5/2021	26/5/2026
		597.	Công nghệ Sinh học	VU-CEA	01/2021	Đạt 86%	26/5/2021	26/5/2026
		598.	Giáo dục Chính trị	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	24/4/2022	24/4/2027
		599.	Giáo dục Tiểu học	VU-CEA	01/2022	Đạt 86%	24/4/2022	24/4/2027
		600.	Sư phạm Lịch sử	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	24/4/2022	24/4/2027
		601.	Công tác xã hội	VNU-CEA	11/2022	Đạt 94%	16/3/2023	16/3/2028
		602.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	11/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		603.	Sư phạm âm nhạc	VNU-CEA	11/2022	Đạt 88%	16/3/2023	16/3/2028
		604.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	11/2022	Đạt 94%	16/3/2023	16/3/2028
		605.	Báo chí	VNU-CEA	11/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		606.	Giáo dục học tiểu học (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	11/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		607.	Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Vật lý (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	11/2023	Đạt 92%	08/4/2024	08/4/2029
		608.	Toán giải tích (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	11/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		609.	Địa lý	VNU-CEA	11/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		610.	Hóa học	VNU-CEA	11/2023	Đạt 92%	08/4/2024	08/4/2029
		611.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	11/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		612.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	11/2023	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		613.	Việt Nam học	VNU-CEA	11/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
49	Trường Đại học Hoa Lư	614.	Giáo dục Mầm Non	VU-CEA	3/2021	Đạt 86%	28/5/2021	28/5/2026
		615.	Kế toán	VU-CEA	3/2021	Đạt 84%	28/5/2021	28/5/2026
		616.	Giáo dục Tiểu học	VU-CEA	12/2022	Đạt 88%	21/8/2023	21/8/2028
		617.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	12/2022	Đạt 84%	21/8/2023	21/8/2028
50	Trường Đại học Cần Thơ	618.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 86%	14/6/2021	14/6/2026
		619.	Sư phạm tiếng Anh	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 86%	14/6/2021	14/6/2026
		620.	Sư phạm Hóa học	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		621.	Sư phạm Sinh học	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		622.	Sư phạm Vật lý	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 86%	26/5/2022	26/5/2027
		623.	Kỹ thuật Cơ khí	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 86%	26/5/2022	26/5/2027
		624.	Sư phạm Ngữ văn	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 86%	26/5/2022	26/5/2027
		625.	Luật	VNU-HCM CEA	8/2022	Đạt 92%	03/01/2023	03/01/2028
		626.	Văn học	VNU-HCM CEA	8/2022	Đạt 96%	03/01/2023	03/01/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		627.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-HCM CEA	6/2023	Đạt 98%	23/10/2023	22/10/2023
		628.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	VNU-HCM CEA	6/2023	Đạt 98%	23/10/2023	22/10/2023
		629.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	VNU-HCM CEA	6/2023	Đạt 98%	23/10/2023	22/10/2023
		630.	Triết học	VNU-HCM CEA	6/2023	Đạt 96%	23/10/2023	22/10/2023
		631.	Kỹ thuật vật liệu	VNU-HCM CEA	6/2023	Đạt 96%	23/10/2023	22/10/2023
		632.	Hóa dược	VNU-HCM CEA	6/2023	Đạt 98%	23/10/2023	22/10/2023
		633.	Kế toán	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		634.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		635.	Giáo dục thể chất	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
51	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	636.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 90%	14/6/2021	14/6/2026
		637.	Dược học	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 92%	14/6/2021	14/6/2026
		638.	Răng hàm mặt	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 90%	14/6/2021	14/6/2026
		639.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 90%	14/6/2021	14/6/2026
		640.	Y học cổ truyền	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 92%	14/6/2021	14/6/2026
		641.	Y khoa	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 92%	14/6/2021	14/6/2026
		642.	Nội khoa (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	02/2024	Đạt 92%	27/5/2024	27/5/2029
		643.	Ngoại khoa (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	02/2024	Đạt 92%	27/5/2024	27/5/2029
		644.	Nhi khoa (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	02/2024	Đạt 92%	27/5/2024	27/5/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		645.	Dược lý-Dược lâm sàng (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 90%	27/5/2024	27/5/2029
		646.	Răng hàm mặt (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 92%	27/5/2024	27/5/2029
		647.	Y học dự phòng (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 92%	27/5/2024	27/5/2029
		648.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 90%	27/5/2024	27/5/2029
52	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	649.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	14/6/2021	14/6/2026
53	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	650.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	24/6/2021	24/6/2026
		651.	Kiểm toán	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	24/6/2021	24/6/2026
		652.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	24/6/2021	24/6/2026
		653.	Công nghệ Thông tin	CEA-AVU&C	4/2021	Đạt 86%	25/12/2021	25/12/2026
		654.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	4/2021	Đạt 86%	25/12/2021	25/12/2026
		655.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	VNU-CEA	11/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		656.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		657.	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	VNU-CEA	11/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		658.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		659.	Ngôn ngữ Trung Quốc	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		660.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		661.	Hệ thống thông tin	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		662.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	06/8/2022	06/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		663.	Công nghệ kỹ thuật Máy tính	VU-CEA	01/2022	Đạt 86%	06/8/2022	06/8/2027
		664.	Quản trị nhân lực	VU-CEA	01/2022	Đạt 86%	06/8/2022	06/8/2027
		665.	Công nghệ dệt, may	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	06/8/2022	06/8/2027
		666.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	VNU-CEA	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		667.	Thiết kế thời trang	VNU-CEA	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		668.	Kỹ thuật phần mềm	VNU-CEA	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		669.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	VNU-CEA	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		670.	Quản trị khách sạn	VNU-CEA	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		671.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		672.	Kế toán	VNU-CEA	8/2023	Đạt 96%	16/11/2023	16/11/2028
		673.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VNU-CEA	8/2023	Đạt 90%	16/11/2023	16/11/2028
		674.	Marketing	VNU-CEA	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
54	Học viện Ngoại giao	675.	Quan hệ Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	08/6/2021	08/6/2026
		676.	Kinh tế Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	08/6/2021	08/6/2026
		677.	Luật Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	08/6/2021	08/6/2026
		678.	Truyền thông Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	08/6/2021	08/6/2026
		679.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	08/6/2021	08/6/2026
55	Trường Đại học	680.	Kinh doanh quốc tế	VU-CEA	4/2021	Đạt 84%	30/8/2021	30/8/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Kinh tế Quốc dân	681.	Kinh tế chuyên ngành Kinh tế học	VU-CEA	4/2021	Đạt 84%	30/8/2021	30/8/2026
		682.	Kinh tế chuyên ngành Quản lí công và chính sách bằng tiếng Anh	VU-CEA	4/2021	Đạt 90%	30/8/2021	30/8/2026
		683.	Quản trị Khách sạn	VU-CEA	12/2021	Đạt 84%	06/5/2022	06/5/2027
		684.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	12/2021	Đạt 84%	06/5/2022	06/5/2027
		685.	Marketing	VU-CEA	12/2021	Đạt 90%	06/5/2022	06/5/2027
		686.	Kinh tế phát triển	CEA-THANGLONG	3/2021	Đạt 90%	17/9/2022	17/9/2027
		687.	Kinh tế đầu tư	CEA-THANGLONG	3/2021	Đạt 88%	17/9/2022	17/9/2027
		688.	Quản trị nhân lực	CEA-THANGLONG	3/2021	Đạt 90%	17/9/2022	17/9/2027
		689.	Kinh tế và Quản lý đô thị	CEA-THANGLONG	3/2021	Đạt 88%	17/9/2022	17/9/2027
		690.	Hệ thống thông tin quản lý học	CEA-THANGLONG	3/2021	Đạt 82%	17/9/2022	17/9/2027
		691.	Bảo hiểm	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 92%	06/7/2023	06/7/2028
		692.	Kinh tế nông nghiệp	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 90%	06/7/2023	06/7/2028
		693.	Thống kê kinh tế	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 90%	06/7/2023	06/7/2028
		694.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 90%	06/7/2023	06/7/2028
		695.	Luật	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 90%	06/7/2023	06/7/2028
56	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	696.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026
		697.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	6/2021	Đạt 82%	10/9/2021	10/9/2026
		698.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		699.	Kỹ thuật môi trường	VNU-CEA	6/2021	Đạt 88%	10/9/2021	10/9/2026
		700.	Kỹ thuật cơ khí	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		701.	Kinh tế vận tải	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		702.	Kỹ thuật tàu thủy	VNU-CEA	12/2022	Đạt 88%	16/3/2023	16/3/2028
		703.	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	VNU-CEA	12/2022	Đạt 88%	16/3/2023	16/3/2028
57	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	704.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026
		705.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026
		706.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026
		707.	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026
		708.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		709.	Công nghệ chế tạo máy	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		710.	Công nghệ may	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		711.	Kế toán	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		712.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	12/2022	Đạt 86%	16/3/2023	16/3/2028
		713.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
58	Trường Đại học Thăng Long	714.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 90%	14/12/2021	14/12/2026
		715.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 88%	14/12/2021	14/12/2026
		716.	Khoa học máy tính	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 90%	14/12/2021	14/12/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		717.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 90%	14/12/2021	14/12/2026
		718.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 90%	14/12/2021	14/12/2026
		719.	Kế toán	CEA-AVU&C	9/2022	Đạt 90%	15/02/2023	15/02/2028
		720.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	9/2022	Đạt 90%	15/02/2023	15/02/2028
		721.	Quản trị dịch vụ du lịch - lữ hành	CEA-AVU&C	9/2022	Đạt 88%	15/02/2023	15/02/2028
		722.	Ngôn ngữ Nhật	CEA-AVU&C	11/2022	Đạt 86%	06/7/2023	06/7/2028
		723.	Ngôn ngữ Trung Quốc	CEA-AVU&C	11/2022	Đạt 84%	06/7/2023	06/7/2028
		724.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	CEA-AVU&C	02/2024	Đạt 88%	27/5/2024	27/5/2029
		725.	Quản lý bệnh viện (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	02/2024	Đạt 96%	27/5/2024	27/5/2029
		726.	Y tế công cộng (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	02/2024	Đạt 94%	27/5/2024	27/5/2029
59	Trường Đại học Tân Trào	727.	Giáo dục Mầm non	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 86%	18/12/2021	18/12/2026
		728.	Giáo dục Tiểu học	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 88%	18/12/2021	18/12/2026
		729.	Kế toán	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 90%	18/12/2021	18/12/2026
60	Trường Đại học Công đoàn	730.	Công tác xã hội	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 86%	14/12/2021	14/12/2026
		731.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 84%	14/12/2021	14/12/2026
		732.	Luật	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 84%	14/12/2021	14/12/2026
		733.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 84%	12/5/2022	12/5/2027
		734.	Quản trị nhân lực	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 84%	12/5/2022	12/5/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		735.	Xã hội học	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 86%	12/5/2022	12/5/2027
		736.	Bảo hộ lao động	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 84%	12/5/2022	12/5/2027
		737.	Kế toán	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 84%	12/5/2022	12/5/2027
		738.	Quan hệ lao động	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 86%	12/5/2022	12/5/2027
		739.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 88%	21/8/2023	21/8/2028
		740.	Quản trị nhân lực (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 90%	21/8/2023	21/8/2028
		741.	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 90%	21/8/2023	21/8/2028
		742.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 90%	21/8/2023	21/8/2028
		743.	Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 88%	21/8/2023	21/8/2028
		744.	Quản trị nhân lực (trình độ tiến sĩ)	CEA-AVU&C	11/2023	Đạt 94%	07/3/2024	07/3/2029
61	Trường Đại học Sao Đỏ	745.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	10/01/2022	10/01/2027
		746.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	10/01/2022	10/01/2027
		747.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	10/01/2022	10/01/2027
		748.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 90%	10/5/2022	10/5/2027
		749.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 90%	10/5/2022	10/5/2027
		750.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 90%	10/5/2022	10/5/2027
62	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	751.	Quan hệ quốc tế	VU-CEA	10/2021	Đạt 88%	16/01/2022	16/01/2027
		752.	Triết học	VU-CEA	10/2021	Đạt 84%	16/01/2022	16/01/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		753.	Xã hội học	VU-CEA	10/2021	Đạt 88%	16/01/2022	16/01/2027
		754.	Quan hệ công chúng	VU-CEA	10/2021	Đạt 88%	16/01/2022	16/01/2027
		755.	Kinh tế chính trị	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		756.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		757.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		758.	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		759.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		760.	Quảng cáo	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		761.	Xuất bản	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
63	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	762.	Quản lý Giáo dục	VU-CEA	10/2021	Đạt 80%	20/01/2022	20/01/2027
		763.	Giáo dục Tiểu học	VU-CEA	10/2021	Đạt 82%	20/01/2022	20/01/2027
		764.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VU-CEA	10/2021	Đạt 80%	20/01/2022	20/01/2027
		765.	Giáo dục Mầm non	VU-CEA	12/2022	Đạt 82%	21/8/2023	21/8/2028
		766.	Giáo dục công dân	VU-CEA	12/2022	Đạt 82%	21/8/2023	21/8/2028
		767.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	12/2022	Đạt 82%	21/8/2023	21/8/2028
		768.	Việt Nam học	VU-CEA	12/2022	Đạt 82%	21/8/2023	21/8/2028
		769.	Sư phạm Toán	VU-CEA	12/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		770.	Sư phạm Ngữ văn	VU-CEA	12/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		771.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	12/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		772.	Chính trị học	VU-CEA	12/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		773.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	12/2023	Đạt 86%	09/5/2024	09/5/2029
		774.	Quản trị khách sạn	VU-CEA	12/2023	Đạt 86%	09/5/2024	09/5/2029
		775.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	12/2023	Đạt 86%	09/5/2024	09/5/2029
		776.	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	VU-CEA	12/2023	Đạt 86%	09/5/2024	09/5/2029
64	Trường Đại học Y tế công cộng	777.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	VU-CEA	10/2021	Đạt 84%	17/01/2022	17/01/2027
		778.	Y tế công cộng	CEA-THANGLONG	6/2023	Đạt 94%	10/10/2023	10/10/2028
		779.	Công tác xã hội	CEA-THANGLONG	6/2023	Đạt 92%	10/10/2023	10/10/2028
		780.	Dinh dưỡng	CEA-THANGLONG	6/2023	Đạt 94%	10/10/2023	10/10/2028
65	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	781.	Xã hội học	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
		782.	Ngôn ngữ Trung Quốc	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
		783.	Luật Kinh tế	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
		784.	Hệ thống thông tin quản lý	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
		785.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	CEA-UD	12/2022	Đạt 90%	15/6/2023	15/6/2028
		786.	Công nghệ sinh học	CEA-UD	12/2022	Đạt 90%	15/6/2023	15/6/2028
		787.	Công tác xã hội	CEA-UD	12/2022	Đạt 90%	15/6/2023	15/6/2028
		788.	Đông Nam Á học	CEA-UD	12/2022	Đạt 90%	15/6/2023	15/6/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		789.	Luật	CEA-UD	12/2022	Đạt 90%	15/6/2023	15/6/2028
		790.	Công nghệ sinh học (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	3/2023	Đạt 96%	31/7/2023	30/7/2028
		791.	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	3/2023	Đạt 90%	31/7/2023	30/7/2028
		792.	Kỹ thuật xây dựng (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	3/2023	Đạt 90%	31/7/2023	30/7/2028
		793.	Luật kinh tế (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	3/2023	Đạt 92%	31/7/2023	30/7/2028
		794.	Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	3/2023	Đạt 88%	31/7/2023	30/7/2028
66	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	795.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	VNU-CEA	01/2022	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		796.	Y khoa	VNU-CEA	9/2023	Đạt 86%	29/12/2023	29/12/2028
		797.	Điều dưỡng	VNU-CEA	9/2023	Đạt 88%	29/12/2023	29/12/2028
		798.	Kỹ thuật hình ảnh y học	VNU-CEA	9/2023	Đạt 82%	29/12/2023	29/12/2028
		799.	Kỹ thuật phục hồi chức năng	VNU-CEA	9/2023	Đạt 84%	29/12/2023	29/12/2028
67	Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế	800.	Khoa học cây trồng	VNU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		801.	Nuôi trồng thủy sản	VNU-CEA	4/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		802.	Quản lý đất đai	VNU-CEA	4/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		803.	Phát triển nông thôn	VNU-CEA	4/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		804.	Thú y	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	30/3/2022	30/3/2027
		805.	Công nghiệp thực phẩm	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	30/3/2022	30/3/2027
68	Trường Đại học	806.	Luật	VNU-CEA	4/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Luật - Đại học Huế	807.	Luật Kinh tế	VNU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
69	Trường Đại học Mở Hà Nội	808.	Công nghệ Sinh học	VNU-CEA	5/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		809.	Luật kinh tế	VNU-CEA	5/2021	Đạt 84%	26/3/2022	26/3/2027
		810.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	5/2021	Đạt 82%	26/3/2022	26/3/2027
		811.	Kế toán	VNU-CEA	5/2023	Đạt 90%	07/9/2023	07/9/2028
		812.	Thương mại điện tử	VNU-CEA	5/2023	Đạt 88%	07/9/2023	07/9/2028
		813.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	5/2023	Đạt 88%	07/9/2023	07/9/2028
		814.	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	VNU-CEA	5/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		815.	Ngôn ngữ Trung quốc	VNU-CEA	5/2023	Đạt 90%	07/9/2023	07/9/2028
		816.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	5/2023	Đạt 88%	07/9/2023	07/9/2028
		817.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	5/2023	Đạt 82%	07/9/2023	07/9/2028
		818.	Công nghệ thực phẩm	VNU-CEA	5/2023	Đạt 88%	07/9/2023	07/9/2028
		819.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn Thông	VNU-CEA	5/2023	Đạt 86%	07/9/2023	07/9/2028
		820.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	VNU-CEA	5/2023	Đạt 84%	07/9/2023	07/9/2028
		821.	Luật	VNU-CEA	5/2023	Đạt 82%	07/9/2023	07/9/2028
		822.	Luật quốc tế	VNU-CEA	5/2023	Đạt 84%	07/9/2023	07/9/2028
823.	Kiến trúc	VNU-CEA	5/2023	Đạt 84%	07/9/2023	07/9/2028		
70	Trường Đại học	824.	Quản lý nhà nước	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	29/3/2022	29/3/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Nội Vụ Hà Nội	825.	Quản lý văn hóa	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	29/3/2022	29/3/2027
		826.	Lưu trữ học	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	29/3/2022	29/3/2027
71	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	827.	Sư phạm Toán học	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		828.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		829.	Sư phạm Tiếng Anh	VNU-CEA	11/2021	Đạt 84%	26/3/2022	26/3/2027
		830.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		831.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	19/12/2022	19/12/2027
		832.	Giáo dục công dân	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	19/12/2022	19/12/2027
		833.	Giáo dục thể chất	VNU-CEA	9/2022	Đạt 84%	19/12/2022	19/12/2027
		834.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	9/2022	Đạt 88%	19/12/2022	19/12/2027
		835.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	09/01/2023	09/01/2028
		836.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	09/01/2023	09/01/2028
		837.	Sư phạm Vật lí	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	09/01/2023	09/01/2028
		838.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2023	Đạt 88%	28/12/2023	28/12/2028
		839.	Lý luận văn học (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2023	Đạt 86%	28/12/2023	28/12/2028
		840.	Ngôn ngữ Việt Nam (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2023	Đạt 86%	28/12/2023	28/12/2028
		841.	Văn học Việt Nam (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2023	Đạt 86%	28/12/2023	28/12/2028
		842.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	02/2024	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
		843. Giáo dục quốc phòng - an ninh	VNU-CEA	02/2024	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		844. Công nghệ thông tin	VNU-CEA	02/2024	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		845. Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	02/2024	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		846. Ngôn ngữ Trung Quốc	VNU-CEA	02/2024	Đạt 86%	08/4/2024	08/4/2029
		847. Việt Nam học	VNU-CEA	02/2024	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
72	Học viện Ngân hàng	848. Ngân hàng	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		849. Tài chính	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		850. Kế toán	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		851. Quản trị doanh nghiệp	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		852. Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Ngân hàng - CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	3/2023	Đạt 88%	27/6/2023	27/6/2028
		853. Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính -CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	3/2023	Đạt 88%	27/6/2023	27/6/2028
		854. Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	3/2023	Đạt 88%	27/6/2023	27/6/2028
		855. Quản trị kinh doanh (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	3/2023	Đạt 88%	27/6/2023	27/6/2028
		856. Luật kinh tế	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 92%	27/5/2024	27/5/2029
		857. Hệ thống thông tin quản lý trong lĩnh vực tài chính - _Ngân hàng	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 94%	27/5/2024	27/5/2029
		858. Kinh tế đầu tư	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 94%	27/5/2024	27/5/2029
		859. Kinh doanh quốc tế	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 92%	27/5/2024	27/5/2029
		860. Ngôn ngữ Anh Tài chính - Ngân hàng	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 90%	27/5/2024	27/5/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
73	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	861.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		862.	Kỹ thuật Điện (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 96%	30/3/2022	30/3/2027
		863.	Hóa phân tích (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		864.	Kỹ thuật Điện tử (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 96%	30/3/2022	30/3/2027
		865.	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		866.	Kỹ thuật Xây dựng	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		867.	Quản lý Tài nguyên Môi trường	VNU-CEA	12/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		868.	Luật kinh tế	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
74	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	869.	Y học cổ truyền	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 100%	04/4/2022	04/4/2027
		870.	Răng Hàm Mặt	VNU-HCM CEA	5/2022	Đạt 98%	10/10/2022	09/10/2027
75	Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn	871.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
		872.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 90%	07/4/2023	07/4/2028
		873.	Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	VNU-HCM CEA	8/2023	Đạt 88%	20/11/2023	20/11/2028
		874.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	VNU-HCM CEA	8/2023	Đạt 88%	20/11/2023	20/11/2028
		875.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	10/2023	Đạt 90%	11/01/2024	11/01/2029
76	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh	876.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
		877.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
		878.	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		879.	Quản lý tài nguyên và môi trường	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
		880.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	12/2022	Đạt 90%	21/8/2023	21/8/2028
		881.	Hệ thống thông tin	VU-CEA	12/2022	Đạt 88%	21/8/2023	21/8/2028
		882.	Quản lý đất đai	VU-CEA	12/2022	Đạt 90%	21/8/2023	21/8/2028
		883.	Thủy văn học	VU-CEA	12/2023	Đạt 88%	04/3/2024	04/3/2029
		884.	Kỹ thuật cấp thoát nước	VU-CEA	12/2023	Đạt 90%	04/3/2024	04/3/2029
		885.	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	VU-CEA	12/2023	Đạt 88%	04/3/2024	04/3/2029
77	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	886.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 92%	19/5/2022	19/5/2027
		887.	Quản trị logistic & Vận tải đa phương thức	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 92%	19/5/2022	19/5/2027
		888.	Kinh tế vận tải	VNU-HCM CEA	11/2022	Đạt 94%	31/3/2023	31/3/2028
		889.	Kinh tế xây dựng	VNU-HCM CEA	11/2022	Đạt 94%	31/3/2023	31/3/2028
		890.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	VNU-HCM CEA	11/2022	Đạt 94%	31/3/2023	31/3/2028
78	Học viện Hàng không Việt Nam	891.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		892.	Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		893.	Quản lý hoạt động bay	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
79	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	894.	Y tế Công cộng (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 80%	20/5/2022	20/5/2027
		895.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 80%	20/5/2022	20/5/2027
		896.	Y học dự phòng (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 88%	26/6/2023	26/6/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		897.	Dinh dưỡng (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 92%	26/6/2023	26/6/2028
		898.	Y học cổ truyền	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 86%	26/6/2023	26/6/2028
80	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang	899.	Kế toán	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 90%	23/5/2022	23/5/2027
		900.	Thú y	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 90%	23/5/2022	23/5/2027
		901.	Quản lý đất đai	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 90%	23/5/2022	23/5/2027
		902.	Công nghệ thực phẩm	CEA-AVU&C	10/2022	Đạt 92%	06/02/2023	06/02/2028
		903.	Khoa học cây trồng	CEA-AVU&C	10/2022	Đạt 92%	06/02/2023	06/02/2028
81	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	904.	Dược học	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 88%	20/6/2022	20/6/2027
		905.	Điều dưỡng	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 86%	20/6/2022	20/6/2027
		906.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 86%	20/6/2022	20/6/2027
		907.	Quản trị kinh doanh	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 86%	20/6/2022	20/6/2027
		908.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-THANGLONG	6/2022	Đạt 90%	21/11/2022	21/11/2027
		909.	Truyền thông đa phương tiện	CEA-THANGLONG	6/2022	Đạt 86%	21/11/2022	21/11/2027
		910.	Ngôn ngữ Anh	CEA-THANGLONG	6/2022	Đạt 86%	21/11/2022	21/11/2027
		911.	Công nghệ thông tin	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 88%	13/7/2023	13/7/2028
		912.	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 90%	13/7/2023	13/7/2028
		913.	Luật kinh tế	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 88%	13/7/2023	13/7/2028
		914.	Quan hệ Quốc tế	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 88%	13/7/2023	13/7/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
82	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	915.	Kế toán	VU-CEA	5/2022	Đạt 82%	28/7/2022	28/7/2027
		916.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	5/2022	Đạt 82%	28/7/2022	28/7/2027
		917.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	5/2022	Đạt 82%	28/7/2022	28/7/2027
		918.	Tài chính - Ngân hàng	VU-CEA	5/2022	Đạt 82%	28/7/2022	28/7/2027
83	Trường Đại học Cửu Long	919.	Công nghệ thực phẩm	CEA-SAIGON	4/2022	Đạt 86%	15/7/2022	15/7/2027
		920.	Luật kinh tế	CEA-SAIGON	4/2022	Đạt 88%	15/7/2022	15/7/2027
		921.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	4/2022	Đạt 84%	15/7/2022	15/7/2027
		922.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 82%	27/12/2022	27/12/2027
		923.	Điều dưỡng	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 82%	27/12/2022	27/12/2027
		924.	Tài chính ngân hàng	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027
		925.	Công nghệ thông tin	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027
		926.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027
		927.	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
		928.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
		929.	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	4/2023	Đạt 94%	22/6/2023	22/6/2028
		930.	Kế toán	CEA-SAIGON	4/2023	Đạt 90%	22/6/2023	22/6/2028
		931.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	4/2023	Đạt 90%	22/6/2023	22/6/2028
84	Trường Đại học	932.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	02/2022	Đạt 92%	07/8/2022	07/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh	933.	Ngôn ngữ Anh	VNU-HCM CEA	02/2022	Đạt 92%	07/8/2022	07/8/2027
		934.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	02/2022	Đạt 86%	07/8/2022	07/8/2027
		935.	Kế toán	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 88%	17/8/2023	16/8/2028
		936.	Kinh doanh quốc tế	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 86%	17/8/2023	16/8/2028
		937.	Luật Kinh tế	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 90%	17/8/2023	16/8/2028
		938.	Đồng phương học	VNU-HCM CEA	01/2024	Đạt 98%	09/5/2024	08/5/2029
85	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	939.	Luật	VNU-HCM CEA	4/2022	Đạt 94%	07/8/2022	07/8/2027
		940.	Luật Thương mại quốc tế	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
		941.	Quản trị - Luật	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		942.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
		943.	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Anh văn pháp lý	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 86%	16/11/2023	16/11/2028
		944.	Luật (chất lượng cao)	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 86%	16/11/2023	16/11/2028
		945.	Quản trị Luật (chất lượng cao)	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		946.	Quản trị kinh doanh (chất lượng cao)	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
86	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	947.	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	12/2021	Đạt 94%	16/8/2022	16/8/2027
		948.	Sư phạm tiếng Anh	CEA-UD	12/2021	Đạt 96%	16/8/2022	16/8/2027
87	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	949.	Thiết kế đồ họa	CEA-UD	01/2022	Đạt 90%	16/8/2022	16/8/2027
		950.	Thiết kế công nghiệp	CEA-UD	01/2022	Đạt 90%	16/8/2022	16/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		951.	Thiết kế nội thất	CEA-UD	01/2022	Đạt 92%	16/8/2022	16/8/2027
		952.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-UD	01/2022	Đạt 92%	16/8/2022	16/8/2027
		953.	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	CEA-UD	01/2022	Đạt 92%	16/8/2022	16/8/2027
		954.	Thiết kế thời trang	CEA-UD	7/2023	Đạt 92%	12/10/2023	12/10/2028
88	Trường Đại học Tây Nguyên	955.	Công nghệ sinh học	CEA-UD	12/2021	Đạt 84%	16/8/2022	16/8/2027
		956.	Giáo dục tiểu học	CEA-UD	12/2021	Đạt 90%	16/8/2022	16/8/2027
		957.	Quản trị kinh doanh	CEA-UD	12/2021	Đạt 84%	16/8/2022	16/8/2027
		958.	Sư phạm tiếng Anh	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		959.	Y khoa	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 86%	23/11/2023	23/11/2028
		960.	Giáo dục Thể chất	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		961.	Sư phạm Ngữ văn	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		962.	Sư phạm Vật lý	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		963.	Sư phạm Toán học	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		964.	Sư phạm Hoá học	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		965.	Lâm sinh	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 86%	23/11/2023	23/11/2028
		966.	Y khoa	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 86%	23/11/2023	23/11/2028
		967.	Giáo dục Thể chất	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		968.	Thú y	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
89	Trường Đại học Lao động - Xã hội	969.	Bảo hiểm	VNU-CEA	6/2022	Đạt 82%	25/8/2022	25/8/2027
		970.	Quản trị nhân lực	VNU-CEA	6/2022	Đạt 86%	25/8/2022	25/8/2027
		971.	Kế toán	VNU-CEA	6/2022	Đạt 84%	25/8/2022	25/8/2027
		972.	Công tác xã hội	VNU-CEA	6/2022	Đạt 86%	25/8/2022	25/8/2027
		973.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	6/2022	Đạt 84%	25/8/2022	25/8/2027
		974.	Tâm lý học	VNU-CEA	12/2022	Đạt 80%	16/3/2023	16/3/2028
		975.	Kinh tế	VNU-CEA	12/2022	Đạt 82%	16/3/2023	16/3/2028
		976.	Luật Kinh tế	VNU-CEA	12/2022	Đạt 84%	16/3/2023	16/3/2028
90	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	977.	Tài chính – Ngân hàng	VNU-CEA	5/2022	Đạt 86%	24/8/2022	24/8/2027
		978.	Kế toán	VNU-CEA	5/2022	Đạt 86%	24/8/2022	24/8/2027
91	Trường Đại học Điện lực	979.	Điện tử viễn thông	VNU-CEA	5/2022	Đạt 82%	26/8/2022	26/8/2027
		980.	Quản lý công nghiệp	VNU-CEA	5/2022	Đạt 86%	26/8/2022	26/8/2027
		981.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	5/2022	Đạt 82%	26/8/2022	26/8/2027
		982.	Kế toán	VNU-CEA	5/2022	Đạt 80%	26/8/2022	26/8/2027
		983.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	VNU-CEA	5/2022	Đạt 82%	26/8/2022	26/8/2027
		984.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	5/2022	Đạt 84%	26/8/2022	26/8/2027
		985.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	VNU-CEA	01/2024	Đạt 86%	08/4/2024	08/4/2029
		986.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	01/2024	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		987.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	VNU-CEA	01/2024	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		988.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	VNU-CEA	01/2024	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		989.	Quản lý năng lượng	VNU-CEA	01/2024	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		990.	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	VNU-CEA	01/2024	Đạt 86%	08/4/2024	08/4/2029
92	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	991.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa	VNU-CEA	5/2022	Đạt 82%	24/8/2022	24/8/2027
		992.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	VNU-CEA	5/2022	Đạt 84%	24/8/2022	24/8/2027
		993.	Hóa học	VNU-CEA	5/2022	Đạt 84%	24/8/2022	24/8/2027
		994.	Công nghệ kỹ thuật hoá học	VNU-CEA	3/2023	Đạt 86%	20/6/2023	20/6/2028
		995.	Kế toán	VNU-CEA	3/2023	Đạt 82%	20/6/2023	20/6/2028
		996.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	VNU-CEA	3/2023	Đạt 84%	20/6/2023	20/6/2028
93	Trường Đại học Hạ Long	997.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	03/8/2022	03/8/2027
		998.	Khoa học máy tính	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	03/8/2022	03/8/2027
		999.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	3/2022	Đạt 82%	03/8/2022	03/8/2027
		1000.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VU-CEA	02/2023	Đạt 92%	21/8/2023	21/8/2023
		1001.	Quản lý tài nguyên và môi trường	VU-CEA	02/2023	Đạt 92%	21/8/2023	21/8/2023
		1002.	Quản trị khách sạn	VU-CEA	02/2023	Đạt 94%	21/8/2023	21/8/2023
		1003.	Quản lý văn hóa	VU-CEA	02/2023	Đạt 92%	21/8/2023	21/8/2023
		1004.	Ngôn ngữ Nhật	VU-CEA	02/2023	Đạt 86%	21/8/2023	21/8/2023

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1005.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VU-CEA	02/2023	Đạt 90%	21/8/2023	21/8/2023
		1006.	Nuôi trồng thủy sản	VU-CEA	02/2023	Đạt 92%	21/8/2023	21/8/2023
94	Trường Đại học Đông Á	1007.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	02/2022	Đạt 90%	06/8/2022	06/8/2027
		1008.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	02/2022	Đạt 88%	06/8/2022	06/8/2027
		1009.	Kế toán	VU-CEA	02/2022	Đạt 88%	06/8/2022	06/8/2027
95	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	1010.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	7/2022	Đạt 88%	28/10/2022	28/10/2027
		1011.	Kế toán	VU-CEA	7/2022	Đạt 86%	28/10/2022	28/10/2027
		1012.	Tài chính - Ngân hàng	VU-CEA	3/2023	Đạt 86%	30/10/2023	30/10/2028
		1013.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	3/2023	Đạt 86%	30/10/2023	30/10/2028
		1014.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 92%	22/02/2024	21/02/2029
		1015.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 92%	22/02/2024	21/02/2029
96	Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng	1016.	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 88%	18/10/2022	18/10/2027
		1017.	Dược học	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 86%	18/10/2022	18/10/2027
		1018.	Kỹ thuật Hình ảnh y học	CEA-AVU&C	11/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
		1019.	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	CEA-AVU&C	11/2022	Đạt 90%	06/02/2023	06/02/2028
		1020.	Y khoa	CEA-AVU&C	11/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
97	Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương	1021.	Sư phạm Âm nhạc	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 86%	20/10/2022	20/10/2027
		1022.	Sư phạm Mỹ thuật	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 84%	20/10/2022	20/10/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1023.	Thiết kế đồ họa	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 84%	20/10/2022	20/10/2027
		1024.	Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 88%	20/10/2022	20/10/2027
98	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	1025.	Luật	CEA-AVU&C	7/2022	Đạt 88%	19/10/2022	19/10/2027
99	Trường Đại học YERSIN Đà Lạt	1026.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	7/2022	Đạt 88%	11/10/2022	11/10/2027
		1027.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	7/2022	Đạt 90%	11/10/2022	11/10/2027
		1028.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	7/2022	Đạt 88%	11/10/2022	11/10/2027
		1029.	Công nghệ sinh học	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 90%	25/9/2023	25/9/2028
		1030.	Quan hệ công chúng.	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 90%	25/9/2023	25/9/2028
		1031.	Đông phương học	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 90%	25/9/2023	25/9/2028
		1032.	Kiến trúc	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 88%	25/9/2023	25/9/2028
		1033.	Ngôn ngữ Anh.	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 88%	25/9/2023	25/9/2028
		1034.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 90%	25/9/2023	25/9/2028
		1035.	Dược học.	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 90%	25/9/2023	25/9/2028
100	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	1036.	Y khoa	VNU-HCM CEA	7/2022	Đạt 94%	31/10/2022	31/10/2027
		1037.	Dược sĩ	VNU-HCM CEA	7/2022	Đạt 94%	31/10/2022	31/10/2027
		1038.	Nội khoa (Thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	7/2022	Đạt 96%	31/10/2022	31/10/2027
		1039.	Ngoại khoa (Thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 96%	29/3/2024	28/3/2029
		1040.	Y học cổ truyền	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 96%	29/3/2024	28/3/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận		
						Ngày cấp	Giá trị đến	
		1041.	Điều dưỡng	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 98%	29/3/2024	28/3/2029
		1042.	Nhi khoa	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 98%	29/3/2024	28/3/2029
		1043.	Răng hàm mặt	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 96%	29/3/2024	28/3/2029
		1044.	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 98%	29/3/2024	28/3/2029
		1045.	Y tế công cộng (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 96%	29/3/2024	28/3/2029
101	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	1046.	Đô thị học	VU-CEA	5/2022	Đạt 92%	04/11/2022	04/11/2027
		1047.	Ngôn ngữ Nga	VU-CEA	5/2022	Đạt 92%	04/11/2022	04/11/2027
		1048.	Lưu trữ học	CEA-SAIGON	11/2022	Đạt 96%	24/3/2023	24/3/2028
		1049.	Hàn Quốc	CEA-SAIGON	11/2022	Đạt 92%	24/3/2023	24/3/2028
		1050.	Nhân học (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	11/2022	Đạt 94%	24/3/2023	24/3/2028
		1051.	Văn hoá học (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	11/2022	Đạt 96%	24/3/2023	24/3/2028
		1052.	Ngôn ngữ học	VU-CEA	4/2023	Đạt 90%	06/11/2023	06/11/2028
		1053.	Khoa học thư viện (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	4/2023	Đạt 90%	06/11/2023	06/11/2028
		1054.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	4/2023	Đạt 92%	06/11/2023	06/11/2028
		1055.	Báo chí	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		1056.	Quan hệ quốc tế	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		1057.	Triết học	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
102	Trường Đại học Sư	1058.	Công tác xã hội	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 82%	25/11/2022	25/11/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận		
						Ngày cấp	Giá trị đến	
	phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	1059.	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 84%	25/11/2022	25/11/2027
		1060.	Công nghệ sinh học	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 84%	24/3/2023	24/3/2028
		1061.	Công nghệ thực phẩm	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
		1062.	Thú Y	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
		1063.	Kỹ thuật điện (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 84%	24/3/2023	24/3/2028
		1064.	Du lịch	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
		1065.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		1066.	Công nghệ kỹ thuật Điện điện tử	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
103	Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột	1067.	Y khoa	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 92%	25/11/2022	25/11/2027
		1068.	Dược học	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 90%	25/11/2022	25/11/2027
104	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	1069.	Công tác xã hội	VNU-CEA	8/2022	Đạt 84%	19/12/2022	19/12/2027
		1070.	Khoa học quản lý	VNU-CEA	8/2022	Đạt 86%	19/12/2022	19/12/2027
		1071.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	8/2022	Đạt 86%	19/12/2022	19/12/2027
		1072.	Luật	VNU-CEA	8/2022	Đạt 84%	19/12/2022	19/12/2027
105	Trường Đại học Thành Đô	1073.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	8/2022	Đạt 80%	15/12/2022	15/12/2027
		1074.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	8/2022	Đạt 84%	15/12/2022	15/12/2027
		1075.	Dược học	VNU-CEA	8/2022	Đạt 80%	15/12/2022	15/12/2027
		1076.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	8/2022	Đạt 84%	16/11/2023	16/11/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1077.	Việt Nam học	VNU-CEA	8/2023	Đạt 82%	16/11/2023	16/11/2028
		1078.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	8/2023	Đạt 82%	16/11/2023	16/11/2028
106	Trường Đại học Kiên Giang	1079.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
		1080.	Công nghệ thực phẩm	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027
		1081.	Công nghệ thông tin	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027
		1082.	Kế toán	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
		1083.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
		1084.	Sư phạm Toán học	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		1085.	Luật	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
		1086.	Nuôi trồng thủy sản	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		1087.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		1088.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
107	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	1089.	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
		1090.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
		1091.	Kế toán	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 88%	28/9/2023	28/9/2028
		1092.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 88%	28/9/2023	28/9/2028
		1093.	Công nghệ kĩ thuật Điện – Điện tử	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 90%	28/9/2023	28/9/2028
		1094.	Marketing	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 88%	28/9/2023	28/9/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1095.	An toàn thông tin	CEA-AVU&C	3/2024	Đạt 90%	27/5/2024	27/5/2029
		1096.	Công nghệ đa phương tiện	CEA-AVU&C	3/2024	Đạt 90%	27/5/2024	27/5/2029
		1097.	Truyền thông đa phương tiện	CEA-AVU&C	3/2024	Đạt 90%	27/5/2024	27/5/2029
		1098.	Thương mại điện tử	CEA-AVU&C	3/2024	Đạt 90%	27/5/2024	27/5/2029
108	Học viện Tài chính	1099.	Kế toán	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 90%	14/02/2023	14/02/2028
109	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	1100.	Sư phạm Mỹ thuật	VU-CEA	9/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		1101.	Giáo dục Mầm non	VU-CEA	9/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		1102.	Sư phạm Âm nhạc	VU-CEA	9/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		1103.	Quản lý nhà nước	VU-CEA	9/2022	Đạt 80%	27/02/2023	27/02/2028
		1104.	Quản trị khách sạn	VU-CEA	8/2023	Đạt 82%	04/3/2024	04/3/2029
		1105.	Luật	VU-CEA	8/2023	Đạt 82%	04/3/2024	04/3/2029
		1106.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	8/2023	Đạt 82%	04/3/2024	04/3/2029
		1107.	Thanh nhạc	VU-CEA	8/2023	Đạt 88%	04/3/2024	04/3/2029
110	Trường Đại học Công nghệ Miền Đông	1108.	Dược học	VU-CEA	9/2022	Đạt 80%	27/02/2023	27/02/2028
		1109.	Luật kinh tế	VU-CEA	9/2022	Đạt 80%	27/02/2023	27/02/2028
111	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	1110.	Kiến trúc	CEA-UD	10/2022	Đạt 86%	03/02/2023	03/02/2028
		1111.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-UD	10/2022	Đạt 84%	03/02/2023	03/02/2028
		1112.	Quản trị kinh doanh	CEA-UD	10/2022	Đạt 84%	03/02/2023	03/02/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1113.	Thiết kế Nội thất	CEA-UD	7/2023	Đạt 92%	08/4/2024	08/4/2029
		1114.	Kế toán	CEA-UD	7/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		1115.	Tài chính ngân hàng	CEA-UD	7/2023	Đạt 92%	08/4/2024	08/4/2029
		1116.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA-UD	7/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
112	Trường Đại học Bình Dương	1117.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 90%	24/3/2023	24/3/2028
		1118.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 90%	24/3/2023	24/3/2028
		1119.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
113	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	1120.	Việt Nam học	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 94%	24/3/2023	24/3/2028
		1121.	Sư phạm Sinh học	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 94%	24/3/2023	24/3/2028
		1122.	Sư phạm Lịch sử	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 92%	24/3/2023	24/3/2028
		1123.	Sư phạm Địa lý	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 94%	24/3/2023	24/3/2028
114	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	1124.	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
		1125.	Công nghệ thông tin	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 88%	24/3/2023	24/3/2028
		1126.	Kế toán	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 88%	24/3/2023	24/3/2028
		1127.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 88%	24/3/2023	24/3/2028
		1128.	Đông Phương học	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
		1129.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
115	Trường Đại học	1130.	Ngôn ngữ Hàn quốc	VNU-CEA	12/2022	Đạt 94%	16/3/2023	16/3/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng	1131.	Ngôn ngữ Nhật bản	VNU-CEA	12/2022	Đạt 96%	16/3/2023	16/3/2028
		1132.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		1133.	Ngôn ngữ Pháp	VNU-CEA	12/2022	Đạt 94%	16/3/2023	16/3/2028
		1134.	Ngôn ngữ Nga	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		1135.	Sư phạm tiếng Pháp	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		1136.	Sư phạm tiếng Trung Quốc	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		1137.	Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh chất lượng cao)	VNU-CEA	7/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
		1138.	Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh thương mại chất lượng cao)	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		1139.	Ngôn ngữ Trung Quốc (chất lượng cao)	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		1140.	Ngôn ngữ Nhật (chất lượng cao)	VNU-CEA	7/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
		1141.	Ngôn ngữ Hàn Quốc (chất lượng cao)	VNU-CEA	7/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
		1142.	Quốc tế học (chất lượng cao)	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		116	Trường Đại học Đại Nam	1143.	Dược học	VNU-CEA	11/2022	Đạt 80%
1144.	Quản trị kinh doanh			VNU-CEA	11/2022	Đạt 82%	16/3/2023	16/3/2028
1145.	Ngôn ngữ Anh			VNU-CEA	11/2022	Đạt 82%	16/3/2023	16/3/2028
1146.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.			VNU-CEA	11/2022	Đạt 80%	16/3/2023	16/3/2028
1147.	Công nghệ thông tin			VNU-CEA	01/2024	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
1148.	Ngôn ngữ Trung Quốc			VNU-CEA	01/2024	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
		1149. Quan hệ công chúng	VNU-CEA	01/2024	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		1150. Tài chính – Ngân hàng	VNU-CEA	01/2024	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
117	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	1151. Kỹ thuật cơ khí	VNU-CEA	12/2022	Đạt 86%	16/3/2023	16/3/2028
		1152. Kỹ thuật Điện	VNU-CEA	12/2022	Đạt 86%	16/3/2023	16/3/2028
		1153. Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	VNU-CEA	12/2022	Đạt 86%	16/3/2023	16/3/2028
		1154. Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-CEA	12/2022	Đạt 84%	16/3/2023	16/3/2028
118	Trường Đại học Tiền Giang	1155. Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 88%	28/5/2022	28/5/2027
		1156. Công nghệ thực phẩm	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 92%	28/5/2022	28/5/2027
		1157. Kế toán	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 90%	10/4/2023	10/4/2028
		1158. Quản trị Kinh doanh	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 92%	10/4/2023	10/4/2028
		1159. Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 94%	10/4/2023	10/4/2028
		1160. Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 94%	10/4/2023	10/4/2028
		1161. Giáo dục Mầm non	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 95,34%	10/4/2023	10/4/2028
119	Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	1162. Kỹ thuật Cơ Điện tử	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 94%	14/4/2023	14/4/2028
		1163. Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 94%	14/4/2023	14/4/2028
		1164. Kỹ thuật phần mềm	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 94%	14/4/2023	14/4/2028
		1165. Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 92%	14/4/2023	14/4/2028
		1166. Điều dưỡng	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 92%	14/4/2023	14/4/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1167.	Kỹ thuật điện	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 100%	08/3/2024	08/3/2029
		1168.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 100%	08/3/2024	08/3/2029
120	Trường Đại học Đà Lạt	1169.	Luật	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 88%	07/10/2022	06/10/2027
		1170.	Công tác xã hội	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 90%	07/10/2022	06/10/2027
		1171.	Ngôn ngữ Anh	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 88%	07/10/2022	06/10/2027
		1172.	Đông phương học	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 86%	07/10/2022	06/10/2027
		1173.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 88%	07/10/2022	06/10/2027
121	Trường Đại học Gia Định	1174.	Quản trị kinh doanh	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 80%	16/02/2023	16/02/2028
		1175.	Tài chính – Ngân hàng	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 82%	16/02/2023	16/02/2028
		1176.	Ngôn ngữ Anh	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 82%	16/02/2023	16/02/2028
		1177.	Kế toán	CEA-THANGLONG	6/2023	Đạt 84%	10/10/2023	10/10/2028
		1178.	Luật	CEA-THANGLONG	6/2023	Đạt 84%	10/10/2023	10/10/2028
		1179.	Công nghệ thông tin	CEA-THANGLONG	6/2023	Đạt 86%	10/10/2023	10/10/2028
		1180.	Kỹ thuật phần mềm	CEA-THANGLONG	6/2023	Đạt 86%	10/10/2023	10/10/2028
122	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc gia Hà Nội	1181.	Hóa học	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 98%	28/4/2023	28/4/2028
		1182.	Sinh học	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 94%	28/4/2023	28/4/2028
		1183.	Khoa học Môi trường	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 94%	28/4/2023	28/4/2028
123	Trường Đại học	1184.	Công nghệ thông tin	CEA-THANGLONG	01/2023	Đạt 84%	28/4/2023	28/4/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Khoa học-Đại học Huế	1185.	Báo chí	CEA-THANGLONG	01/2023	Đạt 84%	28/4/2023	28/4/2028
		1186.	Kiến trúc	CEA-THANGLONG	01/2023	Đạt 86%	28/4/2023	28/4/2028
124	Trường Đại học Hải Phòng	1187.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 84%	14/02/2023	14/02/2028
		1188.	Kế toán doanh nghiệp	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 82%	14/02/2023	14/02/2028
		1189.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 84%	14/02/2023	14/02/2028
125	Trường Đại học Công nghệ – Đại học Quốc gia Hà Nội	1190.	Khoa học máy tính (CTĐT chất lượng cao)	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 90%	26/5/2023	26/5/2028
		1191.	Hệ thống thông tin	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 92%	26/5/2023	26/5/2028
		1192.	Công nghệ kĩ thuật Điện tử Viễn thông (CTĐT chất lượng cao)	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 92%	26/5/2023	26/5/2028
		1193.	Kĩ thuật Máy tính	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 92%	26/5/2023	26/5/2028
		1194.	Công nghệ Thông tin	CEA-THANGLONG	10/2023	Đạt 94%	25/01/2024	25/01/2029
		1195.	Cơ kỹ thuật	CEA-THANGLONG	10/2023	Đạt 94%	25/01/2024	25/01/2029
		1196.	Kỹ thuật Robot	CEA-THANGLONG	10/2023	Đạt 92%	25/01/2024	25/01/2029
		1197.	Vật lý kỹ thuật	CEA-THANGLONG	10/2023	Đạt 94%	25/01/2024	25/01/2029
		1198.	Kỹ thuật Năng lượng	CEA-THANGLONG	10/2023	Đạt 94%	25/01/2024	25/01/2029
		1199.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	CEA-THANGLONG	10/2023	Đạt 94%	25/01/2024	25/01/2029
		1200.	Công nghệ Hàng không vũ trụ	CEA-THANGLONG	10/2023	Đạt 94%	25/01/2024	25/01/2029
126	Trường Đại học	1201.	Kế toán	CEA-UD	6/2022	Đạt 92%	06/6/2023	06/6/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên	1202.	Kinh tế đầu tư	CEA-UD	6/2022	Đạt 92%	06/6/2023	06/6/2028
		1203.	Tài chính doanh nghiệp	CEA-UD	6/2022	Đạt 94%	06/6/2023	06/6/2028
127	Trường Đại học Luật Hà Nội	1204.	Luật	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 92%	06/6/2023	06/6/2028
		1205.	Luật (CTĐT chất lượng cao)	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 90%	06/6/2023	06/6/2028
		1206.	Luật Kinh tế	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 92%	06/6/2023	06/6/2028
		1207.	Luật Thương mại quốc tế	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 92%	06/6/2023	06/6/2028
128	Trường Du lịch - Đại học Huế	1208.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	3/2023	Đạt 86%	21/6/2023	21/6/2028
129	Trường Đại học Thái Bình	1209.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	CEA-AVU&C	4/2023	Đạt 86%	28/6/2023	28/6/2028
		1210.	Kế toán	CEA-AVU&C	4/2023	Đạt 86%	28/6/2023	28/6/2028
		1211.	Kinh tế	CEA-AVU&C	4/2023	Đạt 86%	28/6/2023	28/6/2028
		1212.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	4/2023	Đạt 86%	28/6/2023	28/6/2028
130	Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh	1213.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	4/2023	Đạt 84%	23/6/2023	23/6/2028
		1214.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	4/2023	Đạt 84%	23/6/2023	23/6/2028
		1215.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	4/2023	Đạt 84%	23/6/2023	23/6/2028
		1216.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 84%	22/02/2024	21/02/2029
		1217.	Ngôn ngữ Nhật	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 82%	22/02/2024	21/02/2029
		1218.	Ngôn ngữ Trung Quốc	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 86%	22/02/2024	21/02/2029
		1219.	Quản lý bệnh viện	CEA-AVU&C	12/2023	Đạt 92%	07/3/2024	07/3/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1220.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA-AVU&C	12/2023	Đạt 92%	07/3/2024	07/3/2029
		1221.	Kế toán	CEA-AVU&C	12/2023	Đạt 92%	07/3/2024	07/3/2029
131	Trường Đại học Quảng Bình	1222.	Giáo dục Tiểu học	VU-CEA	12/2022	Đạt 84%	21/8/2023	21/8/2028
		1223.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	12/2022	Đạt 86%	21/8/2023	21/8/2028
		1224.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	12/2022	Đạt 82%	21/8/2023	21/8/2028
		1225.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	12/2022	Đạt 82%	21/8/2023	21/8/2028
132	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	1226.	Ngôn ngữ Nhật	VU-CEA	02/2023	Đạt 92%	21/8/2023	21/8/2028
		1227.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VU-CEA	02/2023	Đạt 92%	21/8/2023	21/8/2028
		1228.	Ngôn ngữ Pháp	VU-CEA	02/2023	Đạt 90%	21/8/2023	21/8/2028
		1229.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VU-CEA	02/2023	Đạt 92%	21/8/2023	21/8/2028
		1230.	Sư phạm tiếng Trung	VU-CEA	11/2023	Đạt 92%	04/3/2024	04/3/2029
		1231.	Sư phạm tiếng Anh	VU-CEA	11/2023	Đạt 92%	04/3/2024	04/3/2029
		1232.	Sư phạm tiếng Hàn	VU-CEA	11/2023	Đạt 92%	04/3/2024	04/3/2029
		1233.	Sư phạm tiếng Nhật	VU-CEA	11/2023	Đạt 92%	04/3/2024	04/3/2029
		1234.	Sư phạm tiếng Đức	VU-CEA	11/2023	Đạt 92%	04/3/2024	04/3/2029
133	Trường Đại học Trà Vinh	1235.	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 88%	17/8//2023	16/8//2028
134	Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội	1236.	Quản lý công nghiệp	CEA-AVU&C	6/2023	Đạt 92%	25/9/2023	25/9/2028
		1237.	Công nghệ may	CEA-AVU&C	6/2023	Đạt 92%	25/9/2023	25/9/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
135	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	1238.	Hệ thống thông tin quản lý	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 92%	28/9/2023	28/9/2028
		1239.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 94%	28/9/2023	28/9/2028
		1240.	Luật kinh tế	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 92%	28/9/2023	28/9/2028
		1241.	Tài chính - Ngân hàng (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 94%	28/9/2023	28/9/2028
		1242.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 94%	28/9/2023	28/9/2028
		1243.	Quản trị kinh doanh (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 92%	28/9/2023	28/9/2028
		1244.	Luật kinh tế (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	11/2023	Đạt 94%	22/02/2024	21/02/2029
		1245.	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	11/2023	Đạt 94%	22/02/2024	21/02/2029
136	Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	1246.	Kế toán	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		1247.	Thương mại điện tử	VNU-CEA	7/2023	Đạt 90%	07/9/2023	07/9/2028
		1248.	Toán kinh tế	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		1249.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	7/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
		1250.	Kinh doanh quốc tế	VNU-CEA	7/2023	Đạt 90%	07/9/2023	07/9/2028
		1251.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	7/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
		1252.	Marketing	VNU-CEA	7/2023	Đạt 90%	07/9/2023	07/9/2028
137	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	1253.	Kế toán	VU-CEA	4/2023	Đạt 84%	30/10/2023	30/10/2028
		1254.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	4/2023	Đạt 86%	30/10/2023	30/10/2028
		1255.	Thú y	VU-CEA	4/2023	Đạt 88%	30/10/2023	30/10/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
138	Trường Đại học Thái Bình Dương	1256.	Du lịch	VU-CEA	4/2023	Đạt 82%	30/10/2023	30/10/2028
		1257.	Luật	VU-CEA	4/2023	Đạt 82%	30/10/2023	30/10/2028
		1258.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	4/2023	Đạt 84%	30/10/2023	30/10/2028
139	Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt Anh – Đại học Đà Nẵng	1259.	Quản trị và Kinh doanh quốc tế	VU-CEA	4/2023	Đạt 88%	30/10/2023	30/10/2028
		1260.	Khoa học y sinh	VU-CEA	4/2023	Đạt 86%	30/10/2023	30/10/2028
		1261.	Khoa học và kỹ thuật Máy tính	VU-CEA	4/2023	Đạt 86%	30/10/2023	30/10/2028
140	Trường Đại học Khánh Hòa	1262.	Sư phạm Toán học	CEA-UD	3/2023	Đạt 84%	02/10/2023	02/10/2028
		1263.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA-UD	3/2023	Đạt 86%	02/10/2023	02/10/2028
141	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	1264.	Luật kinh tế	VNU-CEA	9/2023	Đạt 84%	16/11/2023	16/11/2028
		1265.	Quản lý nhà nước	VNU-CEA	9/2023	Đạt 86%	16/11/2023	16/11/2028
142	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng	1266.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		1267.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		1268.	Công nghệ kỹ thuật máy tính	VNU-CEA	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
143	Học viện Phụ nữ Việt Nam	1269.	Luật	CEA-THANGLONG	7/2023	Đạt 90%	20/11/2023	20/11/2028
		1270.	Quản trị kinh doanh	CEA-THANGLONG	7/2023	Đạt 90%	20/11/2023	20/11/2028
		1271.	Công tác xã hội	CEA-THANGLONG	7/2023	Đạt 90%	20/11/2023	20/11/2028
144	Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh	1272.	Quản lý văn hóa	CEA-SAIGON	9/2023	Đạt 86%	16/11/2023	16/11/2028
		1273.	Thông tin - Thư viện	CEA-SAIGON	9/2023	Đạt 86%	16/11/2023	16/11/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1274.	Văn hóa học	CEA-SAIGON	9/2023	Đạt 84%	16/11/2023	16/11/2028
145	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	1275.	Kiến trúc	CEA-AVU&C	8/2023	Đạt 88%	04/01/2024	04/01/2029
		1276.	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	CEA-AVU&C	8/2023	Đạt 88%	04/01/2024	04/01/2029
		1277.	Quy hoạch vùng và đô thị	CEA-AVU&C	8/2023	Đạt 88%	04/01/2024	04/01/2029
		1278.	Kiến trúc (chương trình tiên tiến)	CEA-AVU&C	8/2023	Đạt 88%	04/01/2024	04/01/2029
		1279.	Thiết kế thời trang	CEA-THANGLONG	11/2023	Đạt 90%	04/3/2024	04/3/2029
		1280.	Công nghệ thông tin	CEA-THANGLONG	11/2023	Đạt 90%	04/3/2024	04/3/2029
		1281.	Thiết kế đồ họa	CEA-THANGLONG	11/2023	Đạt 88%	04/3/2024	04/3/2029
		1282.	Kinh tế xây dựng	CEA-THANGLONG	11/2023	Đạt 90%	04/3/2024	04/3/2029
		1283.	Điêu khắc	CEA-THANGLONG	11/2023	Đạt 88%	04/3/2024	04/3/2029
		1284.	Thiết kế nội thất	CEA-THANGLONG	11/2023	Đạt 90%	04/3/2024	04/3/2029
146	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	1285.	Công nghệ kỹ thuật giao thông	CEA-AVU&C	7/2023	Đạt 92%	02/01/2024	02/01/2029
		1286.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CEA-AVU&C	7/2023	Đạt 90%	02/01/2024	02/01/2029
		1287.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	7/2023	Đạt 90%	02/01/2024	02/01/2029
		1288.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	7/2023	Đạt 90%	02/01/2024	02/01/2029
147	Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam	1289.	Dược sĩ	VU-CEA	9/2023	Đạt 92%	26/02/2024	26/02/2029
148	Trường Đại học Kinh doanh và	1290.	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Ngân hàng)	CEA-AVU&C	01/2024	Đạt 86%	07/3/2024	07/3/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Công nghệ Hà Nội	1291.	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính)	CEA-AVU&C	01/2024	Đạt 86%	07/3/2024	07/3/2029
		1292.	Kinh tế	CEA-AVU&C	01/2024	Đạt 86%	07/3/2024	07/3/2029
		1293.	Dược học	CEA-AVU&C	01/2024	Đạt 84%	07/3/2024	07/3/2029
		1294.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	01/2024	Đạt 84%	07/3/2024	07/3/2029
		1295.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CEA-AVU&C	01/2024	Đạt 88%	07/3/2024	07/3/2029
		1296.	Kế toán	CEA-AVU&C	01/2024	Đạt 84%	07/3/2024	07/3/2029
149	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng	1297.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	VNU-CEA	12/2023	Đạt 86%	08/4/2024	08/4/2029
		1298.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	VNU-CEA	12/2023	Đạt 86%	08/4/2024	08/4/2029

2. Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ cao đẳng sư phạm (CDSP)

STT	Tên trường cao đẳng	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương	1	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	12/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
2	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	2	Giáo dục Mầm non	VU-CEA	12/2021	Đạt 83,72%	05/5/2022	05/5/2027
3	Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình	3	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	3/2022	Đạt 81,4%	25/8/2022	25/8/2027
4	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương	4	Giáo dục Mầm non	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 83,7%	25/11/2022	25/11/2027

STT	Tên trường cao đẳng	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	TP. Hồ Chí Minh							
5	Trường Cao đẳng Vinh Phúc	5	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	9/2023	Đạt 81,4%	16/11/2023	16/11/2028
6	Trường Cao đẳng Bến Tre	6	Giáo dục Mầm non	CEA-SAIGON	11/2023	Đạt 81,4%	22/02/2024	21/02/2029

II. THEO TIÊU CHUẨN NƯỚC NGOÀI

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường Đại học Công nghệ - ĐH Quốc gia Hà Nội	1.	Công nghệ thông tin (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	AUN-QA	2009	Đạt	09/01/2010	08/01/2015
		2.	Điện tử viễn thông	AUN-QA	2013	Đạt	10/5/2013	09/5/2018
		3.	Khoa học máy tính	AUN-QA	2014	Đạt	29/01/2015	28/01/2020
2.	Trường Đại học Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội	4.	Kinh tế đối ngoại (nay là Kinh tế quốc tế)	AUN-QA	2010	Đạt	08/01/2011	07/01/2016
		5.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2014	Đạt	29/01/2015	28/01/2020
3.	Trường Đại học Khoa học tự nhiên- ĐH Quốc gia Hà Nội	6.	Hóa học	AUN-QA	2012	Đạt	05/6/2012	04/6/2017
		7.	Toán học	AUN-QA	2013	Đạt	25/6/2013	24/6/2018
		8.	Sinh học	AUN-QA	2013	Đạt	25/6/2013	24/6/2018
		9.	Vật lí	AUN-QA	2015	Đạt	18/10/2015	17/10/2020

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		10.	Địa chất học	AUN-QA	2015	Đạt	18/10/2015	17/10/2020
		11.	Khoa học môi trường	AUN-QA	2015	Đạt	18/10/2015	17/10/2020
		12.	Địa lý Tự nhiên	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		13.	Khí tượng	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		14.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023
		15.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023
		16.	Máy tính và Khoa học Thông tin	AUN-QA	2019	Đạt	05/9/2020	04/9/2025
4.	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội	17.	Sư phạm Tiếng Anh (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	AUN-QA	2012	Đạt	05/6/2012	04/6/2016
		18.	Ngôn ngữ Anh (trình độ thạc sĩ)	AUN-QA	2013	Đạt	19/01/2014	18/01/2019
		19.	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bộ môn tiếng Anh (trình độ thạc sĩ)	AUN-QA	9/2016	Đạt	05/11/2016	04/11/2021
		20.	Ngôn ngữ Anh (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	AUN-QA	2018	Đạt	20/01/2019	19/01/2024
		21.	Ngôn ngữ Đức	AUN-QA	2019	Đạt	12/01/2020	11/01/2025
5.	Trường Đại học KH XH&NV - ĐH Quốc gia Hà Nội	22.	Ngôn ngữ học	AUN-QA	2013	Đạt	19/02/2014	18/02/2019
		23.	Đông phương học	AUN-QA	2015	Đạt	19/6/2016	18/6/2021
		24.	Triết học	AUN-QA	2016	Đạt	14/3/2017	13/3/2022
		25.	Văn học	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		26.	Xã hội học	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023
		27.	Tâm lý học	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		28.	Lịch sử	AUN-QA	2019	Đạt	09/6/2020	08/6/2025
6.	Khoa Luật - ĐH Quốc gia Hà Nội	29.	Luật học	AUN-QA	2016	Đạt	07/11/2015	06/11/2020
		30.	Pháp luật về quyền con người (trình độ thạc sĩ)	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		31.	Luật Kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	02/3/2020	01/3/2025
7.	Trường Đại học KH XH&NV - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	32.	Việt Nam học	AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2016
		33.	Ngữ văn Anh	AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017
		34.	Quan hệ Quốc tế	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		35.	Báo chí	AUN-QA	2016	Đạt	10/5/2016	09/5/2020
		36.	Văn học	AUN-QA	2016	Đạt	14/12/2016	13/12/2021
		37.	Công tác xã hội	AUN-QA	2017	Đạt	05/11/2017	04/11/2022
		38.	Việt Nam học (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		39.	Giáo dục học	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		40.	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		41.	Cử nhân ngành Lịch sử	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026
		42.	Cử nhân ngành Trung Quốc	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		43.	Cử nhân ngành Nhật Bản học	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		44.	Quản trị du lịch và lữ hành	AUN-QA	2022	Đạt	12/9/2022	11/09/2027
		45.	Xã hội học	AUN-QA	2022	Đạt	12/9/2022	11/09/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		46.	Ngôn ngữ Đức	FIBAA	2022	Đạt	22/3/2023	21/3/2028
		47.	Ngôn ngữ Anh	FIBAA	2022	Đạt	22/3/2023	21/3/2028
		48.	Đông phương học	FIBAA	2022	Đạt	22/3/2023	21/3/2028
8.	Trường Đại học Quốc tế - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	49.	Khoa học máy tính	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014
					2017	Đạt	05/11/2017	04/11/2022
		50.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2016
					2017	Đạt	05/01/2017	04/11/2022
		51.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2012	Đạt	14/01/2013	13/01/2017
					2017	Đạt	05/01/2017	04/01/2022
		52.	Điện tử viễn thông	AUN-QA	2013	Đạt	03/5/2013	02/5/2017
		53.	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	AUN-QA	2015	Đạt	10/5/2016	09/5/2019
		54.	Kỹ thuật Y sinh	AUN-QA	2015	Đạt	10/5/2016	09/5/2019
				ABET	2019	Đạt	30/9/2019	30/9/2025
		55.	Công nghệ Sinh học (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2016	Đạt	16/02/2017	15/02/2022
		56.	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		57.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
58.	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	11/11/2023		
59.	Kỹ thuật Xây dựng	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	11/11/2023		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		60.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	ABET	2019	Đạt	30/9/2019	30/9/2025
		61.	Quản trị kinh doanh (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		62.	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	09/10/2026
		63.	Toán ứng dụng	AUN-QA	2022	Đạt	23/01/2023	22/01/2028
		64.	Công nghệ Sinh học	ASIIN	2023	Đạt	23/6/2023	14/7/2024
		65.	Công nghệ Thông tin	ASIIN	2023	Đạt	22/9/2023	13/10/2024
		66.	Khoa học Máy tính	ASIIN	2023	Đạt	22/9/2023	13/10/2024
		67.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	ASIIN	2023	Đạt	22/9/2023	13/10/2024
9.	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	68.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014
		69.	Hóa học	AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
		70.	Sinh học	AUN-QA	2017	Đạt	05/10/2017	04/10/2022
		71.	Công nghệ Sinh học (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2018	Đạt	12/11/2018	11/11/2023
		72.	Công nghệ Sinh học	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		73.	Khoa học vật liệu	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026
		74.	Khoa học máy tính (chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	09/10/2026
		75.	Toán học	ASIIN	2023	Đạt	24/3/2023	14/4/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		76.	Vật lý học	ASIIN	2023	Đạt	24/3/2023	14/4/2024
		77.	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	ASIIN	2023	Đạt	24/3/2023	14/4/2024
		78.	Thạc sĩ Khoa học Vật liệu	AUN-QA	2022	Đạt	23/1/2023	22/1/2028
10.	Trường Đại học Bách khoa - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	79.	Điện tử - Viễn thông	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014
					2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
		80.	Cơ Điện tử	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		81.	Kỹ thuật Hàng không	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		82.	Vật liệu tiên tiến	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		83.	Polime - Composite	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		84.	Viễn thông	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		85.	Hệ thống Năng lượng	CTI	2014	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
86.	Xây dựng dân dụng và năng lượng	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
				2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
87.		Kỹ thuật cơ khí (Kỹ thuật Chế tạo)	AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2016
88.		Kỹ thuật cơ khí (chương trình chất lượng cao)	AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028
89.		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
90.		Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
91.		Kỹ thuật xây dựng công trình biển	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
92.		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
93.		Kỹ thuật công trình xây dựng (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
94.		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
95.		Kỹ thuật xây dựng (Kỹ thuật xây dựng Dân dụng và Công nghiệp)	AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017
				2017	Đạt	05/10/2017	04/10/2022
96.		Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017
			ASIIN	2021	Đạt	18/3/2022	30/9/2027
97.		Khoa học máy tính	ABET	2013	Đạt	2014	2019
				2020	Đạt	2020	30/9/2026
98.		Kỹ thuật máy tính	ABET	2013	Đạt	2014	2019
99.		Khoa học máy tính (chương trình chất lượng cao)	ABET	2020	Đạt	2020	30/9/2026
100.		Kỹ thuật máy tính (chương trình chất lượng cao)	ABET	2020	Đạt	2020	30/9/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận		
						Ngày cấp	Giá trị đến	
101.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	AUN-QA	AUN-QA	2014	Đạt	10/11/2014	09/11/2018	
				2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020	
102.	Quản lý công nghiệp	AUN-QA	AUN-QA	2014	Đạt	10/11/2014	09/11/2018	
				FIBAA	2022	Đạt	29/6/2022	28/6/2027
103.	Kỹ thuật Điện - Điện tử (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2019	
104.	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	AUN-QA	AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2019	
				AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028
105.	Cơ kỹ thuật	AUN-QA	AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2020	
				ASIIN	2022	Đạt	24/6/2022	30/9/2023
106.	Kỹ thuật môi trường (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	AUN-QA	2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020	
				ASIIN	2023	Đạt	23/6/2023	14/7/2024
107.	Điện - Điện tử (bao gồm tất cả các CTĐT của Khoa Điện-Điện tử)	AUN-QA	AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2021	
108.	Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2021	
109.	Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ chuyên ngành tư vấn quản lý quốc tế - EMBA-MCI)	FIBAA	FIBAA	2009	Đạt	24/9/2010	23/9/2015	
				2015	Đạt	27/11/2015	26/11/2022	
				AACSB	2021	Đạt	2021	2026
110.	Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ Maastricht School of Management-MSM)	ACBSP	ACBSP	2010	Đạt	14/11/2010	2020	
				AMBA	2016	Đạt	2016	2018
				IACBE	2010	Đạt	5/2010	2017

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
		111. Kỹ thuật xây dựng	AUN-QA	2017	Đạt	05/10/2017	04/10/2022
		112. Kỹ thuật nhiệt	AUN-QA	2018	Đạt	25/01/2018	24/01/2023
		113. Kỹ thuật Điện tử Viễn thông (thạc sĩ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		114. Kỹ thuật viễn thông (thạc sĩ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		115. Kỹ thuật ô tô	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		116. Kỹ thuật ô tô (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		117. Kỹ thuật dầu khí	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		118. Kỹ thuật dầu khí (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		119. Kỹ thuật cơ điện tử	AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028
		120. Kỹ thuật cơ điện tử (chương trình chất lượng cao)	AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028
		121. Công nghệ thực phẩm	ASIIN	2021	Đạt	18/3/2022	30/9/2027
		122. Công nghệ sinh học	ASIIN	2021	Đạt	18/3/2022	30/9/2027
		123. Quản lý Tài nguyên và Môi trường	ASIIN	2022	Đạt	24/6/2022	30/9/2027
		124. Vật lý kỹ thuật	ASIIN	2022	Đạt	24/6/2022	30/9/2027
		125. Kỹ thuật Vật liệu	AUN-QA	2022	Đạt	23/01/2023	22/01/2028
		126. Quản lý xây dựng (CTĐT thạc sĩ)	ASIIN	2023	Đạt	23/6/2023	14/7/2024
		127. Kiến trúc	ASIIN	2023	Đạt	23/6/2023	14/7/2024
		128. Khoa học Máy tính (thạc sĩ)	ASIIN	2023	Đạt	22/9/2023	13/10/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
11.	Trường Đại học Kinh tế Luật-ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	129.	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		130.	Kinh tế đối ngoại	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		131.	Kinh tế học	AUN-QA	2016	Đạt	10/5/2016	09/5/2020
		132.	Kế toán	AUN-QA	2016	Đạt	07/4/2017	06/4/2021
		133.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2018	Đạt	25/02/2018	24/02/2023
		134.	Luật dân sự	AUN-QA	2018	Đạt	25/02/2018	24/02/2023
		135.	Kinh tế và Quản lý công	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		136.	Hệ thống thông tin quản lý	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026
		137.	Kiểm toán	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	09/10/2026
12.	Trường Đại học Công nghệ Thông tin - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	138.	Hệ thống thông tin	AUN-QA	2016	Đạt	16/02/2017	15/02/2021
		139.	Truyền thông và mạng máy tính	AUN-QA	2018	Đạt	25/02/2018	24/02/2023
		140.	Khoa học Máy tính	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		141.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026
		142.	Kỹ thuật máy tính	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	09/10/2026
		143.	An toàn thông tin	AUN-QA	2022	Đạt	12/9/2022	11/09/2027
		144.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2022	Đạt	12/9/2022	11/09/2027
13.	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	145.	Tài chính - Ngân hàng	AUN-QA	2013	Đạt	12/7/2013	11/7/2018
		146.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2016	Đạt	16/7/2016	15/7/2022
		147.	Kế toán	AUN-QA	2016	Đạt	16/7/2016	15/7/2021
		148.	Kinh doanh quốc tế (chương trình	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
		tiếng Anh)		2023	Đạt	20/9/2023	13/9/2029
149.		Kinh doanh (chương trình tiếng Anh)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
				2023	Đạt	20/9/2023	13/9/2029
150.		Kinh doanh (chương trình tiếng Anh - Thạc sĩ)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
				2023	Đạt	20/9/2023	13/9/2029
151.		Kinh tế phát triển (Việt Nam - Hà Lan chương trình tiếng Anh - Thạc sĩ)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
				2023	Đạt	20/9/2023	13/9/2029
152.		Ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
153.		Tài chính doanh nghiệp	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
154.		Tài chính công	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
155.		Kinh tế đầu tư	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
156.		Bất động sản	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
157.		Quản trị kinh doanh	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
158.		Kinh doanh thương mại	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
159.		Marketing	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
160.		Kế toán	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
161.		Kiểm toán	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
162.		Logistics và quản trị chuỗi cung ứng	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
163.		Luật Kinh tế	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
164.		Luật Kinh doanh quốc tế	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
165.		Kỹ thuật cơ khí - chuyên ngành Sản xuất tự động (Chương trình Chất lượng cao PFIEV)	CTI ENAEE	2004	Đạt	02/3/2004	2009-2010
				2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
				2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
166.		Kỹ thuật điện - chuyên ngành Tin học công nghiệp (Chương trình Chất lượng cao PFIEV)	CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
				2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận		
						Ngày cấp	Giá trị đến	
14.	Trường Đại học Bách khoa - ĐH Đà Nẵng	167. Chương trình Chất lượng cao PFIEV Công nghệ thông tin - chuyên Kỹ thuật phần mềm	CTI ENAEE	2014	Đạt	2014	19/02/2016	
				2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022	
		168.	Chương trình tiên tiến Điện tử - Viễn thông (ECE - Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2016	Đạt	14/11/2016	13/11/2021
		169.	Hệ thống nhúng (ES - Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2016	Đạt	14/11/2016	13/11/2021
		170.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	2018	Đạt	05/5/2018	04/5/2023
		171.	Kỹ thuật Điện - Điện tử	AUN-QA	2018	Đạt	05/5/2018	04/5/2023
		172.	Kỹ thuật Dầu khí	AUN-QA	2018	Đạt	05/5/2018	04/5/2023
		173.	Điện tử - Viễn thông	AUN-QA	2018	Đạt	05/5/2018	04/5/2023
		174.	Kiến trúc	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	10/11/2023
		175.	Kinh tế xây dựng	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	10/11/2023
		176.	Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	10/11/2023
		177.	Kỹ thuật cơ khí - Chuyên Cơ khí Động lực	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025
		178.	Kỹ thuật Cơ điện tử	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025
		179.	Kỹ thuật Công trình Xây dựng	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025
		180.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025
		181.	Điện tử - Viễn thông (ECE) - (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2022	Đạt	13/6/2022	12/6/2027
		182.	Hệ thống Nhúng và IoT (ES và IoT) (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2022	Đạt	13/6/2022	12/6/2027
		183.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	AUN-QA	2022	Đạt	13/6/2022	12/6/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
184.		Quản lý công nghiệp	AUN-QA	2022	Đạt	13/6/2022	12/6/2027
185.		Kỹ thuật cơ khí - chuyên ngành Sản xuất tự động (Chương trình Chất lượng cao PFIEV)	CTI ENAEE	2022	Đạt	01/09/2022	31/8/2028
186.		Kỹ thuật điện - chuyên ngành Tin học công nghiệp (Chương trình Chất lượng cao PFIEV)	CTI ENAEE	2022	Đạt	01/09/2022	31/8/2028
187.		Công nghệ thông tin - chuyên ngành Công nghệ phần mềm (Chương trình Chất lượng cao PFIEV)	CTI ENAEE	2022	Đạt	01/09/2022	31/8/2028
188.		Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	ASIIN	5/2023	Đạt	22/9/2023	13/10/2024
189.		Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	ASIIN	5/2023	Đạt	22/9/2023	13/10/2024
190.		Kỹ thuật xây dựng công trình thủy (CTĐT thạc sĩ)	ASIIN	5/2023	Đạt	22/9/2023	13/10/2024
191.		Kinh tế xây dựng	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
192.		Quản lý tài nguyên và Môi trường	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
193.		Quản lý xây dựng (CTĐT thạc sĩ)	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
194.		Kỹ thuật Điện	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
195.		Kỹ thuật Điện (CTĐT thạc sĩ)	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
196.		Công nghệ thông tin	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	30/9/2029
197.		Công nghệ thông tin (ngoại ngữ Nhật)	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	30/9/2029
198.		Khoa học máy tính (CTĐT thạc sĩ)	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	30/9/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		199.	Kỹ thuật nhiệt	AUN-QA	2023	Đạt	15/7/2023	14/7/2028
		200.	Kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2023	Đạt	15/7/2023	14/7/2028
		201.	Kỹ thuật hóa học	AUN-QA	2023	Đạt	15/7/2023	14/7/2028
		202.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2023	Đạt	15/7/2023	14/7/2028
15.	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	203.	Tin học công nghiệp	CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					3/2016	Đạt	26/01/2017	31/8/2023
		204.	Hệ thống thông tin và truyền thông	CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					3/2016	Đạt	26/01/2017	31/8/2023
		205.	Cơ khí hàng không	CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					3/2016	Đạt	26/01/2017	31/8/2023
		206.	Truyền thông và mạng máy tính	AUN-QA	2013	Đạt	06/5/2013	05/5/2018
		207.	Cơ điện tử (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	7/2017	Đạt	06/8/2017	05/8/2022
		208.	Kỹ thuật y sinh (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	7/2017	Đạt	06/8/2017	05/8/2022
		209.	Khoa học và kỹ thuật vật liệu (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	7/2017	Đạt	06/8/2017	05/8/2022
		210.	Kỹ thuật cơ điện tử	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022
					09/2022	Đạt	23/10/2022	22/10/2027
		211.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022
09/2022	Đạt				23/10/2022	22/10/2027		
212.	Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022		
			09/2022	Đạt	23/10/2022	22/10/2027		
213.	Kỹ thuật vật liệu	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
				09/2022	Đạt	23/10/2022	22/10/2027
214.		Kỹ thuật Điện	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025
215.		Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025
216.		Kỹ thuật Cơ khí động lực	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025
217.		Kỹ thuật Sinh học	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025
218.		Kỹ thuật Hàng không	AUN-QA	9/2021	Đạt	24/10/2021	23/10/2026
219.		Kỹ thuật Cơ khí	AUN-QA	9/2021	Đạt	24/10/2021	23/10/2026
220.		Hóa học	AUN-QA	9/2021	Đạt	24/10/2021	23/10/2026
221.		Kỹ thuật thực phẩm	AUN-QA	9/2021	Đạt	24/10/2021	23/10/2026
222.		Kỹ thuật In	AUN-QA	12/2021	Đạt	24/1/2022	23/1/2027
223.		Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	12/2021	Đạt	24/1/2022	23/1/2027
224.		Vật lý kỹ thuật	AUN-QA	12/2021	Đạt	24/1/2022	23/1/2027
225.		Kỹ thuật Dệt	AUN-QA	12/2021	Đạt	24/1/2022	23/1/2027
226.		CNTT Việt Nhật	AUN-QA	5/2022	Đạt	27/6/2022	26/6/2027
227.		Kỹ thuật Nhiệt	AUN-QA	5/2022	Đạt	27/6/2022	26/6/2027
228.		Tiếng anh chuyên nghiệp quốc tế	AUN-QA	5/2022	Đạt	27/6/2022	26/6/2027
229.		Toán – Tin	AUN-QA	5/2022	Đạt	27/6/2022	26/6/2027
230.		Cơ điện tử (Chương trình tiên tiến)	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
231.		Cơ điện tử (chương trình liên kết Đại học Nagaoka – Nhật Bản)	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
232.		Khoa học và kỹ thuật vật liệu (Chương trình tiên tiến)	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
		233. Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa ((Chương trình tiên tiến))	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
		234. Kỹ thuật Điện tử - viễn thông (Chương trình tiên tiến)	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
		235. Kỹ thuật Điện tử - viễn thông (liên kết Đại học Leibniz Hannover)	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
		236. Khoa học máy tính	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
		237. Kỹ thuật máy tính	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
		238. Global ICT	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
		239. Tài năng khoa học máy tính	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
		240. Quản trị kinh doanh	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
		241. Kinh tế công nghiệp	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
		242. Quản lý công nghiệp	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
		243. Tài chính ngân hàng	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
		244. Kế toán	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
		245. Hệ thống thông tin quản lý	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
		246. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (Chương trình Chất lượng cao PFIEV)	CTI ENAE	3/2022	Đạt	01/9/2022	31/8/2028
		247. Cơ khí hàng không (Chương trình Chất lượng cao PFIEV)	CTI ENAE	3/2022	Đạt	01/9/2022	31/8/2028
16	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	248. Cơ sở hạ tầng giao thông (Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt - Pháp)	CTI ENAE	2004	Đạt	02/3/2004	2009-2010
				2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
				2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		249.	Kỹ thuật đô thị (Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt - Pháp)	CTI ENAEE	2004	Đạt	02/3/2004	01/3/2010
					2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		250.	Xây dựng công trình thủy (Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt - Pháp)	CTI ENAEE	2004	Đạt	02/3/2004	2009-2010
					2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
17	Trường Đại học Cần Thơ	251.	Kinh tế nông nghiệp	AUN-QA	2013	Đạt	15/7/2013	14/7/2018
		252.	Nuôi trồng thủy sản (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2014 2022 (V2)	Đạt	15/11/2014 11/12/2022	14/11/2019 10/12/2027
		253.	Công nghệ sinh học (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2014	Đạt	15/11/2014	14/11/2019
		254.	Kinh doanh Quốc tế	AUN-QA	2018	Đạt	27/8/2018	26/8/2023
		255.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	2018	Đạt	27/8/2018	26/8/2023
		256.	Kỹ thuật Phần mềm	AUN-QA	2021	Đạt	25/4/2021	24/4/2026
		257.	Mạng Máy tính và Truyền thông dữ liệu	AUN-QA	2021	Đạt	25/4/2021	24/4/2026
		258.	Kỹ thuật Cơ Điện tử	AUN-QA	2021	Đạt	25/4/2021	24/4/2026
		259.	Sư phạm Toán	AUN-QA	2021	Đạt	25/4/2021	24/4/2026
		260.	Quản lý Đất đai	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		261.	Hóa học	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		262.	Khoa học Cây trồng	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		263.	Công nghệ Thực phẩm	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		264.	Bảo vệ Thực vật	AUN-QA	2022	Đạt	11/12/2022	10/12/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		265.	Toán ứng dụng	AUN-QA	2022	Đạt	11/12/2022	10/12/2027
		266.	Thạc sĩ toán giải tích	AUN-QA	2022	Đạt	11/12/2022	10/12/2027
17.	Trường Đại học FPT	267.	Quản trị kinh doanh	ACBSP	2019	Đạt	21/11/2019	20/11/2029
18.	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	268.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		269.	Công nghệ kỹ thuật Cơ - Điện tử	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		270.	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		271.	Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng	AUN-QA	12/2016	Đạt	04/4/2017	03/4/2022
		272.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - truyền thông	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		273.	Công nghệ Chế tạo máy	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		274.	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		275.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		276.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024
		277.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024
		278.	Quản lý công nghiệp	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024
		279.	Công nghệ May	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024
		280.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024
281.	Công nghệ kỹ thuật in	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024		
19.	Trường Đại học	282.	Y tế công cộng (Thạc sĩ)	AUN-QA	2016	Đạt	22/3/2016	21/3/2021

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận			
							Ngày cấp	Giá trị đến		
	Y tế Công cộng	283.	Quản lý bệnh viện (Thạc sỹ)	AUN-QA	2016	Đạt	24/01/2017	23/01/2022		
		284.	Y tế công cộng	AUN-QA	2017	Đạt	23/02/2018	22/02/2023		
20.	Trường Đại học Hoa Sen	285.	Marketing	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025		
		286.	Quản trị kinh doanh	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025		
		287.	Quản trị nhân lực	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025		
		288.	Kế toán	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025		
		289.	Tài chính - Ngân hàng	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025		
		290.	Quản trị khách sạn	AUN-QA	2019	Đạt	04/5/2019	03/5/2024		
		291.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	04/5/2019	03/5/2024		
		292.	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	AUN-QA	2021	Đạt	18/7/2021	17/7/2026		
		293.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2021	Đạt	18/7/2021	17/7/2026		
		294.	Thiết kế nội thất	AUN-QA	2021	Đạt	18/7/2021	17/7/2026		
		295.	Mạng máy tính	AUN-QA	2022	Đạt	26/9/2022	25/9/2027		
		296.	Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành	AUN-QA	2022	Đạt	26/9/2022	25/9/2027		
		297.	Thiết kế đồ họa	AUN-QA	2022	Đạt	26/9/2022	25/9/2027		
		298.	Ngôn ngữ Anh	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027		
		299.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027		
		300.	Kinh Doanh Quốc tế	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027		
		21.	Trường Đại học	301.	Kỹ thuật xây dựng	AUN-QA	2017	Đạt	16/02/2018	15/02/2023

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Thủy lợi	302.	Kỹ thuật tài nguyên nước	AUN-QA	2017	Đạt	16/02/2018	15/02/2023
22.	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	303.	Khoa học và công nghệ	HCERES	2016	Đạt	20/3/2017	20/3/2022
23.	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	304.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		305.	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		306.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử, Truyền thông	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		307.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		308.	Kế toán	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		309.	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		310.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		311.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		312.	Thương mại điện tử	AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
		313.	Công nghệ may	AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
		314.	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
		315.	Công nghệ kỹ thuật máy tính	AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
		316.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		317.	Công nghệ Chế tạo máy	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		318.	Công nghệ Thông tin	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		319.	Hệ thống Thông tin	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		320.	Công nghệ Thực phẩm	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		321.	Công nghệ Sinh học	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		322.	Khoa học máy tính	AUN-QA	2023	Đạt	27/5/2023	26/5/2028
		323.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	AUN-QA	2023	Đạt	27/5/2023	26/5/2028
		324.	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	AUN-QA	2023	Đạt	27/5/2023	26/5/2028
		325.	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	AUN-QA	2023	Đạt	27/5/2023	26/5/2028
24.	Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh	326.	Thú y	AUN-QA	2017	Đạt	07/01/2018	06/01/2023
		327.	Công nghệ Thực phẩm	AUN-QA	2017	Đạt	07/01/2018	06/01/2023
		328.	Kinh tế nông nghiệp	AUN-QA	2019	Đạt	12/01/2020	11/01/2025
		329.	Nông học	AUN-QA	2019	Đạt	12/01/2020	11/01/2025
		330.	Cơ khí chế biến bảo quản nông sản thực phẩm	AUN-QA	2019	Đạt	12/01/2020	11/01/2025
		331.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2019	Đạt	12/01/2020	11/01/2025
		332.	Nuôi trồng thủy sản	AUN-QA	2022	Đạt	08/8/2022	07/8/2027
		333.	Công nghệ kĩ thuật hóa học	AUN-QA	2022	Đạt	08/8/2022	07/8/2027
		334.	Chế biến lâm sản	AUN-QA	2022	Đạt	08/8/2022	07/8/2027
		335.	Kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2022	Đạt	08/8/2022	07/8/2027
		336.	Thú y	AUN-QA	2023	Đạt	01/7/2023	30/6/2028
		337.	Công nghệ thực phẩm (chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2023	Đạt	01/7/2023	30/6/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		338.	Quản lý đất đai	AUN-QA	2023	Đạt	01/7/2023	30/6/2028
		339.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2023	Đạt	01/7/2023	30/6/2028
25.	Trường Đại học Ngoại thương	340.	Kinh tế đối ngoại (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		341.	Quản trị kinh doanh quốc tế (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		342.	Ngân hàng và tài chính quốc tế (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		343.	Kinh tế quốc tế (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		344.	Kinh tế đối ngoại (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2021	Đạt	16/8/2021	15/8/2026
		345.	Quản trị kinh doanh (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2021	Đạt	16/8/2021	15/8/2026
		346.	Tài chính - ngân hàng định hướng nghiên cứu (Thạc sĩ)	AUN-QA	2021	Đạt	16/8/2021	15/8/2026
		347.	Kế toán – Kiểm toán (theo định hướng ACCA)	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
		348.	Luật kinh tế	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
26.	Trường Đại học Duy Tân	349.	Kỹ thuật Mạng	ABET	2018	Đạt	8/2019	30/9/2025
		350.	Hệ thống Thông tin Quản lý	ABET	2018	Đạt	8/2019	30/9/2025
		351.	Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	ABET	2019	Đạt	8/2020	30/9/2026
27		352.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	20/3/2019	19/3/2024
		353.	Kế toán	AUN-QA	2019	Đạt	20/3/2019	19/3/2024
		354.	Kiểm toán	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Trường Đại học Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	355.	Kinh doanh quốc tế	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024
		356.	Marketing	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024
		357.	Kinh doanh thương mại	AUN-QA	2023	Đạt	09/12/2023	08/12/2028
		358.	Kinh tế	AUN-QA	2023	Đạt	09/12/2023	08/12/2028
		359.	Quản trị nhân lực	AUN-QA	2023	Đạt	09/12/2023	08/12/2028
		360.	Hệ thống thông tin quản lý	AUN-QA	2023	Đạt	09/12/2023	08/12/2028
28	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng	361.	Quốc tế học	AUN-QA	2019	Đạt	20/3/2019	19/3/2024
		362.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024
		363.	Đông phương học	AUN-QA	2022	Đạt	04/12/2022	03/12/2027
29	Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng	364.	Sư phạm Vật lý	AUN-QA	2018	Đạt	20/12/2019	19/12/2024
		365.	Sư phạm Toán	AUN-QA	2022	Đạt	04/12/2022	03/12/2027
		366.	Sư phạm Ngữ văn	AUN-QA	2022	Đạt	04/12/2022	03/12/2027
		367.	Sư phạm Hóa học	AUN-QA	2022	Đạt	04/12/2022	03/12/2027
30	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	368.	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		369.	Khoa học môi trường	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		370.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		371.	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		372.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
		373.	Kế toán	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
		374.	Tiếng Anh	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
375.	Toán Ứng dụng	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận			
							Ngày cấp	Giá trị đến		
		376.	Quan hệ lao động	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026		
		377.	Quy hoạch vùng và đô thị	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026		
		378.	Xã hội học	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026		
		379.	Việt Nam học- chuyên Du lịch và Quản lý du lịch	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026		
		380.	Kiến trúc	AUN-QA	2021	Đạt	01/11/2021	31/10/2026		
		381.	Thiết kế đồ họa	AUN-QA	2021	Đạt	01/11/2021	31/10/2026		
		382.	Bảo hộ lao động	AUN-QA	2021	Đạt	01/11/2021	31/10/2026		
		383.	Dược	AUN-QA	2023	Đạt	22/01/2023	21/01/2028		
		384.	Kỹ thuật hóa học	AUN-QA	2023	Đạt	22/01/2023	21/01/2028		
		385.	Thiết kế nội thất	AUN-QA	2023	Đạt	22/01/2023	21/01/2028		
		386.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2023	Đạt	22/01/2023	21/01/2028		
		31	Trường Đại học Trà Vinh	387.	Quản trị kinh doanh	FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	21/11/2024
				388.	Kinh tế	FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	21/11/2024
389.	Tài chính - ngân hàng			FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	21/11/2024		
390.	Kế toán			FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	21/11/2024		
391.	Thủy sản			AUN-QA	2019	Đạt	30/11/2019	29/11/2024		
392.	Thú y			AUN-QA	2019	Đạt	30/11/2019	29/11/2024		
393.	Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ)			FIBAA	2021	Đạt	23/3/2022	22/3/2027		
394.	Quản lý kinh tế (Thạc sĩ)			FIBAA	2021	Đạt	23/3/2022	22/3/2027		
395.	Luật			FIBAA	2021	Đạt	23/3/2022	22/3/2027		
396.	Nông nghiệp			AUN-QA	2021	Đạt	30/8/2021	29/8/2026		
397.	Ngôn ngữ Khmer			AUN-QA	2021	Đạt	30/8/2021	29/8/2026		
398.	Điều dưỡng			AUN-QA	2021	Đạt	30/8/2021	29/8/2026		
		399.	Công nghệ thông tin	ABET	2021	Đạt	30/01/2022	29/01/2023		
32	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	400.	Quản trị kinh doanh	IACBE	2019	Đạt	30/3/2020	30/4/2027		
33	Trường Đại học	401.	Tài chính	AUN-QA	2019	Đạt	25/5/2019	24/5/2024		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	402.	Ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	25/5/2019	24/5/2024
		403.	Kế toán	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027
		404.	Kinh tế Quốc tế	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027
		405.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027
		406.	Tài chính- Ngân hàng	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027
34.	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	407.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		408.	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		409.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		410.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		411.	Kế toán	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
		412.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
		413.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
		414.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
35	Trường Đại học Thủ Dầu Một	415.	Kỹ thuật điện	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
		416.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
		417.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
		418.	Hóa học	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		419.	Khoa học Môi trường	AUN-QA	2022	Đạt	24/7/2022	23/7/2027
		420.	Tài chính – Ngân hàng	AUN-QA	2022	Đạt	24/7/2022	23/7/2027
		421.	Hệ thống thông tin	AUN-QA	2022	Đạt	24/7/2022	23/7/2027
		422.	Kế toán	AUN-QA	2022	Đạt	24/7/2022	23/7/2027
36	Trường Đại học Việt Đức	423.	Kỹ thuật Điện và Máy tính	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025
		424.	Tính toán kỹ thuật và Mô phỏng trên máy tính	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025
		425.	Cơ điện tử và Công nghệ cảm biến	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025
		426.	Khoa học máy tính	ACQUIN	2021	Đạt	05/10/2022	30/9/2028
		427.	Kỹ thuật cơ khí	ACQUIN	2021	Đạt	05/10/2022	30/9/2028
		428.	Hệ thống thông tin doanh nghiệp (CTĐT thạc sĩ)	ACQUIN	2021	Đạt	05/10/2022	30/9/2028
		429.	Kỹ thuật và Quản lý sản xuất (CTĐT thạc sĩ)	ACQUIN	2021	Đạt	05/10/2022	30/9/2028
		430.	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	ACQUIN	2021	Đạt	05/10/2022	30/9/2028
37	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	431.	Y khoa	AUN-QA	2021	Đạt	28/7/2021	27/7/2026
		432.	Dược học	AUN-QA	2021	Đạt	28/7/2021	27/7/2026
38	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	433.	Khoa học cây trồng tiên tiến	AUN-QA	2018	Đạt	23/4/2018	22/4/2023
		434.	Quản trị kinh doanh nông nghiệp tiên tiến	AUN-QA	2018	Đạt	23/4/2018	22/4/2023

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
39	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	435.	Kinh tế (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		436.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		437.	Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		438.	Tài chính - Ngân hàng (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		439.	Kế toán (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	23/03/2022	22/03/2027
		440.	Kiểm toán	FIBAA	2021	Đạt	23/03/2022	22/03/2027
		441.	Kinh tế	FIBAA	2021	Đạt	23/03/2022	22/03/2027
		442.	Quản trị kinh doanh	FIBAA	2021	Đạt	23/03/2022	22/03/2027
		443.	Kế toán	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		444.	Khoa học máy tính	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		445.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		446.	Tài chính - Ngân hàng	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		40	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	447.	Tài chính doanh nghiệp	AUN-QA	2021	Đạt
448.	Ngân hàng			AUN-QA	2021	Đạt	27/9/2021	26/9/2026
449.	Quản trị khách sạn			AUN-QA	2021	Đạt	27/9/2021	26/9/2026
41	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	450.	Sư phạm tiếng Anh	AUN-QA	2021	Đạt	27/9/2021	26/9/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
42	Trường Đại học Văn Lang	451.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
		452.	Thiết kế đồ họa	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
		453.	Quản trị khách sạn	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
		454.	Kế toán	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
43	Trường Đại học Công thương TP. Hồ Chí Minh	455.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2019	Đạt	28/12/2019	27/12/2024
		456.	Công nghệ kỹ thuật hóa học	AUN-QA	2019	Đạt	28/12/2019	27/12/2024
44	Trường Đại học Vinh	457.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	2021	Đạt	23/5/2021	22/5/2026
		458.	Sư phạm Toán học	AUN-QA	2021	Đạt	23/5/2021	22/5/2026
45	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	459.	Sư phạm Hóa học	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		460.	Sư phạm Vật lý	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		461.	Giáo dục Tiểu học	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		462.	Tâm lý học	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		463.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027
		464.	Ngôn ngữ Trung Quốc	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027
		465.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027
		466.	Ngôn ngữ Pháp	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận		
						Ngày cấp	Giá trị đến	
46	Trường Đại học Lạc Hồng	467.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2019	Đạt	01/6/2019	31/5/2024
		468.	Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	AUN-QA	2019	Đạt	01/6/2019	31/5/2024
		469.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2021	Đạt	25/6/2021	24/6/2026
		470.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2021	Đạt	25/6/2021	24/6/2026
		471.	Kế toán kiểm toán	AUN-QA	2021	Đạt	25/6/2021	24/6/2026
		472.	Dược	AUN-QA	2021	Đạt	25/6/2021	24/6/2026
		473.	Đông Phương học – Nhật bản học	AUN-QA	2023	Đạt	09/4/2023	08/4/2028
		474.	Tài chính ngân hàng	AUN-QA	2023	Đạt	09/4/2023	08/4/2028
		475.	Công nghệ Kỹ thuật Công trình xây dựng	AUN-QA	2023	Đạt	09/4/2023	08/4/2028
		476.	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	AUN-QA	2023	Đạt	09/4/2023	08/4/2028
47	Trường Đại học Y dược - Đại học Thái Nguyên	477.	Bác sỹ Y khoa	AUN-QA	2021	Đạt	05/4/2021	04/4/2026
		478.	Điều dưỡng	AUN-QA	2021	Đạt	05/4/2021	04/4/2026
48	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	479.	Sư phạm Toán	AUN-QA	2021	Đạt	05/4/2021	04/4/2026
		480.	Sư phạm Hóa	AUN-QA	2021	Đạt	05/4/2021	04/4/2026
49	Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên	481.	Kỹ sư Chăn nuôi Thú y	AUN-QA	2021	Đạt	17/10/2021	16/10/2026
		482.	Bác sỹ Thú y	AUN-QA	2021	Đạt	17/10/2021	16/10/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		483.	Kĩ sư Công nghệ Thực phẩm	AUN-QA	2021	Đạt	17/10/2021	16/10/2026
		484.	Kĩ sư Quản lý Tài nguyên rừng	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
		485.	Kĩ sư Quản lý Đất đai	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
		486.	Kĩ sư Quản lý Cây trồng	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
50	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	487.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026
		488.	Kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026
		489.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026
		490.	Kỹ thuật cơ điện tử	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026
51	Khoa Quốc tế- ĐH Thái Nguyên	491.	Kinh doanh	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
52	Trường Đại học An Giang - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	492.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2021	Đạt	10/01/2022	09/01/2027
		493.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2021	Đạt	10/01/2022	09/01/2027
		494.	Sư phạm Ngữ văn	AUN-QA	2021	Đạt	10/01/2022	09/01/2027
		495.	Sư phạm tiếng Anh	AUN-QA	2021	Đạt	10/01/2022	09/01/2027
		496.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2022	Đạt	10/7/2022	9/7/2027
		497.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2022	Đạt	10/7/2022	9/7/2027
		498.	Sư phạm toán học	AUN-QA	2022	Đạt	10/7/2022	9/7/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		499.	Ngôn ngữ anh	AUN-QA	2022	Đạt	10/7/2022	9/7/2027
53	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	500.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027
54	Trường Đại học Giao thông Vận tải	501.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	AUN-QA	2022	Đạt	20/6/2022	19/6/2027
		502.	Kỹ thuật oto	AUN-QA	2022	Đạt	20/6/2022	19/6/2027
		503.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	AUN-QA	2022	Đạt	20/6/2022	19/6/2027
55	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	504.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2022	Đạt	09/10/2022	08/10/2027
		505.	Tự động hoá	AUN-QA	2022	Đạt	09/10/2022	08/10/2027
		506.	Quản trị Văn phòng	AUN-QA	2023	Đạt	22/7/2023	08/10/2027
		507.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	2023	Đạt	22/7/2023	08/10/2027
		508.	Kỹ thuật điện tử viễn thông	AUN-QA	2023	Đạt	22/7/2023	08/10/2027
56	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	509.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2022	Đạt	09/10/2022	08/10/2027
		510.	Marketing	AUN-QA	2023	Đạt	22/7/2023	08/10/2027
57	Trường Đại học Ngoại ngữ- Đại học Thái Nguyên	511.	Sư phạm Tiếng Anh	AUN-QA	2022	Đạt	09/10/2022	08/10/2027
58	Trường Quản trị và Kinh doanh - Đại học Quốc gia Hà Nội	512.	Quản trị và An Ninh	ACQUIN	03/2023	Đạt	25/9/2023	25/6/2025
		513.	Marketing và truyền thông	ACQUIN	03/2023	Đạt	25/9/2023	25/6/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		514.	Quản trị Doanh nghiệp và Công nghệ	ACQUIN	03/2023	Đạt	25/9/2023	25/6/2025
		515.	Quản trị nhân lực và nhân tài	ACQUIN	03/2023	Đạt	25/9/2023	25/6/2025
		516.	Quản trị Kinh doanh (Thạc sĩ)	ACQUIN	03/2023	Đạt	04/12/2023	04/9/2025
		517.	Quản trị Công nghệ và Phát triển doanh nghiệp (Thạc sĩ)	ACQUIN	03/2023	Đạt	04/12/2023	04/9/2025
		518.	Quản trị An ninh phi truyền thông (Thạc sĩ)	ACQUIN	03/2023	Đạt	04/12/2023	04/9/2025
		519.	Quản trị và Phát triển bền vững (Tiến sĩ)	ACQUIN	03/2023	Đạt	04/12/2023	04/9/2025
59	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	520.	Kỹ thuật Cơ điện tử	AUN-QA	2023	Đạt	24/9/2023	23/9/2028
		521.	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	AUN-QA	2023	Đạt	24/9/2023	23/9/2028
60	Phân hiệu Đại học Thái Nguyên (tại Lào Cai)	522.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	AUN-QA	2023	Đạt	24/9/2023	23/9/2028
		523.	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	AUN-QA	2023	Đạt	24/9/2023	23/9/2028
61	Trường Đại học Anh quốc Việt Nam	524.	Tài chính và Kinh tế	QAA	2023	Đạt	12/12/2022	11/12/2027
		525.	Quản trị khách sạn	QAA	2023	Đạt	12/12/2022	11/12/2027

(Danh sách có 1.829 chương trình, bao gồm: 1.304 chương trình đánh giá theo tiêu chuẩn trong nước; 525 chương trình đánh giá theo tiêu chuẩn nước ngoài).

Ghi chú:

Stt	Chữ viết tắt	Tên tổ chức
1.	VNU-CEA	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
2.	VNU-HCM CEA	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
3.	CEA-UD	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng
4.	CEA-AVU&C	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam
5.	VU-CEA	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh
6.	CEA-THANGLONG	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long
7.	CEA-SAIGON	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn
8.	AUN-QA	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)
9.	CTI	Commission des Titres d'Ingénieur (Ủy ban Văn bằng Pháp)
10.	ABET	Accreditation Board for Engineering and Technology (Hội đồng Kiểm định Kỹ thuật và Công nghệ, Hoa Kỳ)
11.	ACBSP	Accreditation Council for Business Schools and Programs (Hội đồng Kiểm định các trường và chương trình đào tạo về kinh doanh, Hoa Kỳ)
12.	FIBAA	Foundation for International Business Administration Accreditation (Quỹ Kiểm định các chương trình Quản trị kinh doanh quốc tế)
13.	AMBA	Association of MBAs (Hiệp hội MBA)
14.	IACBE	International Accreditation Council for Business Education (Hội đồng kiểm định quốc tế các trường đại học đào tạo Kinh doanh)
15.	ENAE	European Network for Accreditation of Engineering Education (Mạng lưới kiểm định đào tạo kỹ thuật của châu Âu)
16.	HCERES	Hội đồng cấp cao về đánh giá nghiên cứu và giáo dục đại học Pháp
17.	ASIIN	Tổ chức kiểm định các chương trình đào tạo khối kỹ thuật, công nghệ thông tin, khoa học tự nhiên và toán học.
18.	ACQUIN	Tổ chức The Accreditation, Certification and Quality Assurance Institute (ACQUIN)
19.	QAA	The Quality Assurance Agency for Higher Education (QAA)